

Oh3sIt
1922/23

The
OHIO STATE UNIVERSITY
BULLETIN

V. 26 # 23

TIME SCHEDULE

1922-1923

MISS OLIVE JONES
LIBRARY

PUBLISHED BY THE UNIVERSITY AT COLUMBUS

Entered as second-class matter November 17, 1905, at the postoffice at Columbus, Ohio, under Act of Congress, July 16, 1894. Acceptance for mailing at special rate of postage provided for in Section 1103, Act of October 3, 1917. Authorized July 10, 1918.

TIME SCHEDULE

Explanations

The column of figures under Course No. gives the number of the course in the department. The second column of figures indicates the number of credit hours each Quarter of the course.

KEY TO ABBREVIATIONS

- B. Z.—Botany and Zoology Building
- Br.—Brown Hall
- Cam.—Campbell Hall
- Ch.—Chemistry Building
- Ha.—Hayes Hall
- H. F.—Horticulture and Forestry Building
- L.—Library
- Lo.—Lord Hall
- M. L.—Machinery Laboratory
- Obs.—Observatory
- O.—Orton Hall
- P.—Page Hall
- Pav.—Judging Pavilion
- Ph.—Physics Building
- Pom.—Pomerene Hall
- R. L.—Robinson Laboratory
- S.—Shops Building
- T.—Townshend Hall
- U.—University Hall
- V. C.—Veterinary Clinic
- V. L.—Veterinary Laboratory
- L.—Lecture; Q.—Quiz; Lab.—Laboratory; R.—Recitations.

THE LIBRARY OF THE
UNIVERSITY OF ILLINOIS
APR 2 1931

ACCOUNTING

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 8	H. F. 112	Boyd and assistants
		M., W., F., at 9	H. F. 204	
		M., W., F., at 10	H. F. 204	
		M., W., F., at 11	H. F. 204	
		M., W., F., at 11	H. F. 203	
		M., W., F., at 1	H. F. 203	
		M., W., F., at 1	H. F. 204	
		M., W., F., at 2	H. F. 203	
		M., W., F., at 3	H. F. 204	
		Lab., M., W., 8 to 10	P. 11	
		M., F., 1 to 3	P. 11	
		M., W., 3 to 5	P. 11	
		W., 1 to 3; F. 3 to 5	P. 11	
		Tu., Th., 8 to 10	P. 11	
		Tu., Th., 3 to 5	P. 11	
		F., S., 8 to 10	P. 11	
		F., S., 10 to 12	P. 11	
402	5	L., M., W., F., at 10	H. F. 106	Boyd and assistants
		M., W., F., at 1	H. F. 106	
		Lab., M., W., 10 to 12	P. 11	
601	5	Tu., Th., 1 to 3	P. 11	Eckelberry
		M., Tu., W., Th., F., at 9	P. 6	
607	2	M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 6	Wall
		Tu., Th., at 8	P. 6	
612	4	Tu., Th., 10 to 12	P. 11	Eckelberry

WINTER QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8	H. F. 106	Boyd and assistants
		M., W., F., at 10	H. F. 106	
		M., W., F., at 1	H. F. 106	
		Lab., M., W., 10 to 12	P. 11	
		Tu., Th., 1 to 3	P. 11	
402	5	L., M., W., F., at 9	H. F. 204	Boyd and assistants
		M., W., F., at 10	H. F. 204	
		M., W., F., at 11	H. F. 204	
		M., W., F., at 1	H. F. 204	
		M., W., F., at 2	H. F. 204	
		M., W., F., at 3	H. F. 204	
		Lab., M., W., 8 to 10	P. 11	
		M., F., 1 to 3	P. 11	
		M., W., 3 to 5	P. 11	
		W., 1 to 3; F., 3 to 5	P. 11	
		Tu., Th., 8 to 10	P. 11	
		Tu., Th., 3 to 5	P. 11	
		F., S., 8 to 10	P. 11	
601	5	F., S., 10 to 12	P. 11	Eckelberry
		M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 6	
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	P. 6	Eckelberry
		M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 106	
603	3	M., W., F., at 8	P. 6	Eckelberry
		M., W., F., at 2	P. 106	
608	2	Tu., Th., at 8	P. 6	Wall
613	4	Tu., Th., 10 to 12	P. 11	Eckelberry

ACCOUNTING—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 8	H. F. 106	Boyd and assistants
		M., W., F., at 10	H. F. 106	
		M., W., F., at 1	H. F. 106	
		Lab., M., W., 10 to 12	P. 11	
		Tu., Th., 1 to 3	P. 11	
402	5	L., M., W., F., at 9	H. F. 204	Boyd and assistants
		M., W., F., at 10	H. F. 204	
		M., W., F., at 11	H. F. 204	
		M., W., F., at 1	H. F. 204	
		M., W., F., at 2	H. F. 204	
		M., W., F., at 3	H. F. 204	
		Lab., M., W., 8 to 10	P. 11	
		M., F., 1 to 3	P. 11	
		W., 1 to 3; F., 3 to 5	P. 11	
		M., W., 3 to 5	P. 11	
		Tu., Th., 8 to 10	P. 11	
		Tu., Th., 3 to 5	P. 11	
		F., S., 8 to 10	P. 11	
		F., S., 10 to 12	P. 11	
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	P. 6	Eckelberry
604	3	M., W., F., at 8	P. 6	Eckelberry
		M., W., F., at 2	P. 106	Boyd
611	2	Tu., Th., at 8	P. 6	Wall
614	4	Tu., Th., 10 to 12	P. 11	Eckelberry
616	3	M., W., F., at 9	H. F. 108	Eckelberry

AGRICULTURAL CHEMISTRY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 9	T. 205	Phillips
		M., W., F., at 2	T. 205	Phillips
		Lab., Tu., Th., 8 to 11	T. 205	Almy
		Tu., Th., 1 to 4	T. 205	Almy
601	5	L., M., W., F., at 10	T. 205	Phillips
		Lab., Tu., Th., 1 to 4	T.	Phillips
604	5	L., W., at 4	T. 204	Almy
		Lab., M., Tu., W., F., 1 to 4	T.	Almy
803	5, 10, or 15	To be arranged		Lyman, Phillips
804	1	To be arranged		

WINTER QUARTER

402	5	L., M., W., F., at 8	T. 205	Phillips
		M., W., F., at 1	T. 205	Phillips
		Lab., Tu., Th., 8 to 11	T. 205	Edgar
		Tu., Th., 1 to 4	T. 205	Edgar
602	5	L., F., at 8	T. 204	Lyman
		Lab., M., Tu., W., F., 1 to 4	T.	Edgar
605	5	L., W., at 4	T. 204	Lyman
		Lab., M., Tu., W., F., 1 to 4	T.	Hinkle
607	5	L., M., W., at 10	T. 205	Lyman
		Lab., M., W., F., 1 to 4	T.	Lyman

AGRICULTURAL CHEMISTRY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
608	5	L., M., W., at 9	T. 204	Lyman
		Lab., Tu., W., Th., 1 to 4	T.	Lyman
802	5 to 15	To be arranged		Phillips
803	5, 10, or 15	To be arranged		Lyman, Phillips
804	1	To be arranged		

SPRING QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 9	T. 205	Phillips
		M., W., F., at 2	T. 205	Phillips
		Lab., Tu., Th., 8 to 11	T. 205	Almy
		Tu., Th., 1 to 4	T. 205	Almy
403	5	L., M., W., F., at 8	T. 204	Lyman
		M., W., F., at 1	T. 204	Lyman
		Lab., Tu., Th., 8 to 11	T. 204	Edgar
		Tu., Th., 1 to 4	T. 204	Edgar
603	5	L., F., at 3	T. 204	Lyman
		Lab., M., Tu., W., F., 1 to 4	T.	Almy
606	5	L., W., at 4	T. 204	Almy
		Lab., M., Tu., W., F., 1 to 4	T.	Almy
801	5	To be arranged		Phillips
803	5, 10, or 15	To be arranged		Lyman, Phillips
804	1	To be arranged		

AGRICULTURAL EDUCATION

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	T. 204	Stewart
402	5	To be arranged		Nisonger
403	5	To be arranged		Nisonger
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	T. 106	Nisonger
603	5	To be arranged		Stewart
801	3 to 12	To be arranged		Stewart, Nisonger

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	T. 204	Stewart
402	5	To be arranged		Nisonger
403	5	To be arranged		Nisonger
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	T. 204	Nisonger
602	5	To be arranged		Stewart
801	3 to 12	To be arranged		Stewart, Nisonger

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	T. 204	Stewart
402	5	To be arranged		Nisonger
403	5	To be arranged		Nisonger
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	T. 106	Nisonger
603	5	To be arranged		Stewart
801	3 to 12	To be arranged		Stewart, Nisonger

AGRICULTURAL ENGINEERING

Course		AUTUMN QUARTER		
No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., Tu., F., at 11 Lab., M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4 F., 1 to 4; S., 8 to 11	M. L. 201	Thomson
*402	2½	L., M., W., F., at 8 Lab., Tu., Th., 8 to 11 M., W., 1 to 4	M. L. 201 M. L. 202 M. L. 202	Ives
**403	2½	L., M., W., F., at 9 Lab., F., 1 to 4; S., 8 to 11	M. L. 201 M. L. 202	Ives
406	5	L., M., W., F., at 8 Lab., Tu., Th., 8 to 11 Tu., Th., 1 to 4	Cam. 302	Potter
601	3 to 15	To be arranged	M. L.	All Instructors
602	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 1 to 4	M. L. 202 M. L. 202	Ives
603	3	Lab., Tu., Th., 1 to 4 W., F., 1 to 4	M. L.	McCuen
604	5	L., M., W., F., at 10 Lab., M., W., 1 to 4	M. L. 201	Potter
WINTER QUARTER				
401	5	L., M., Tu., F., at 11 Lab., M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4 F., 1 to 4; S., 8 to 11	M. L. 201	Thomson
*402	2½	L., M., W., F., at 3 Lab., Tu., Th., 8 to 11 W., F., 1 to 4	M. L. 201 M. L. 202 M. L. 202	Ives
**403	2½	L., M., W., F., at 9 Lab., Tu., Th., 1 to 4	M. L. 201 M. L. 202	Ives
404	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 1 to 4 W., F., 1 to 4	M. L. 201	McCuen
405	3	L., F., at 10 Lab., F., 1 to 5	M. L. 110	Potter
406	5	L., M., W., F., at 8 Lab., Tu., Th., 8 to 11 M., W., 1 to 4	Cam. 302	Potter
601	3 to 15	To be arranged	M. L.	All Instructors
SPRING QUARTER				
401	5	L., M., Tu., F., at 11 Lab., M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4 F., 1 to 4; S., 8 to 11	M. L. 201	Thomson
404	5	L., M., W., F., at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 4 W., F., 1 to 4	M. L. 201	McCuen
601	3 to 15	To be arranged	M. L.	All Instructors
604	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 8 to 11	M. L. 201	Potter
605	3	Th., at 11 Lab., Tu., Th., 8 to 11	M. L. 201	Thomson

* 402 runs six weeks alternating with Poultry Husbandry 401, one-half section each six weeks.

** 403 given last half of Autumn and Winter Quarter.

AGRICULTURAL EXTENSION

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	3	M., Tu., W., at 11	T. 205	Ramsower

AMERICAN HISTORY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 209	Wood, Wittke, Shryock, Marion
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	L. 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 202	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 202	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	L. 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 205	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	L. 107	Cole
411	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 202	Wittke
604	3	M., W., F., at 9	L. 107	Cole
608	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 209	Knight
610	3	M., W., F., at 2	U. 209	Knight
801	3	M., W., F., at 4	L. 303	Cole
803	3	To be arranged		Knight

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 209	Wood, Wittke, Shryock, Marion
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 209	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	L. 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	L. 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	L. 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 205	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 202	Cole
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 202	Cole
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 209	Wood
601	3	M., W., F., at 2	L. 107	Hockett
602	3	M., W., F., at 3	L. 107	Hockett
605	3	M., W., F., at 9	U. 202	Cole
807	3	M., W., F., at 4	L. 303	Hockett
811	3	Tu., Th., at 4 to 5:30	L. 303	Hockett

AMERICAN HISTORY—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 209	Wood, Wittke, Shryock, Marion
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 209	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 209	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 205	
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	L. 107	Wood
410	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 205	Hockett
603	3	M., W., F., at 3	L. 107	Hockett
611	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	L. 107	Wittke
808	3	M., W., F., at 4	L. 303	Hockett

ANATOMY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., at 3; F., at 1 Lab., M., W., 1 to 3; F., 2 to 4	Searles
403	5	L., M., F., at 1	Landacre
		Lab., M., F., 2 to 4; W., 1 to 3	
408	5	L., M., W., at 1	Searles
		Lab., to be arranged	
431	4	L., M., W., at 1	Baker
		Lab., M., W., 2 to 4; F., 1 to 4	
434	3	L., W., F., at 8	Knouff
		Lab., Th., 1 to 4	
601	1	To be arranged	All Instructors
607	5	To be arranged	Landacre
610	5	To be arranged	Knouff
621	5	L., to be arranged	Buck
		Lab., Tu., W., Th., F., 1 to 5	
624	5	L., M., W., F., at 8	Landacre
		Lab., M., W., F., 9 to 12	
627	5	To be arranged	Buck
801	5	To be arranged	Landacre
804	5	To be arranged	Landacre

WINTER QUARTER

402	5	L., M., at 3; F., at 1	Searles
		Lab., M., W., 1 to 3; F., 2 to 4	
404	5	L., M., F., at 1	Landacre
		Lab., M., F., 2 to 4; W., 1 to 3	
406 (Pre-Med)	5	L., Tu., Th., at 8	Baker
		Lab., Tu., Th., 9 to 12	
		L., Tu., Th., at 1	
		Lab., Tu., Th., 2 to 5	
409	5	L., M., W., at 1	Searles
		Lab., to be arranged	

ANATOMY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
421	5	L., M., W., at 1 Lab., M., W., 2 to 4; F., 1 to 4		Knouff
432	4	L., M., W., F., at 1 Lab., M., W., F., 2 to 5		Baker
435	3	L., W., F., at 8 Lab., Th., 1 to 4		Knouff
602	1	To be arranged		All Instructors
608	5	To be arranged		Landacre
611	5	To be arranged		Knouff
622	5	L., to be arranged Lab., Tu., W., Th., F., 1 to 5		Buck
625	5	L., M., W., F., at 8 Lab., M., W., F., 9 to 12		Landacre
802	5	To be arranged		Landacre
805	5	To be arranged		Landacre

SPRING QUARTER

405	5	To be arranged		Searles
407	5	L., Tu., Th., at 8 Lab., Tu., Th., 9 to 12		Baker
410	3	To be arranged		Searles
422	5	L., M., W., F., at 1 Lab., M., W., F., 2 to 4		Knouff
433	5	L., M., W., F., at 1 Lab., M., W., F., 2 to 5		Baker
436	4	L., M., at 4; F., at 8 Lab., Th., 1 to 5		Knouff
437	5	L., M., W., at 1 Lab., M., W., 2 to 4; Tu., 1 to 3		Searles
603	1	To be arranged		All Instructors
609	5	To be arranged		Landacre
612	5	To be arranged		Knouff
623	5	L., to be arranged Lab., Tu., W., Th., F., 1 to 5		Buck
626	5	L., M., W., F., at 8 Lab., M., W., F., 9 to 12		Landacre
628	3	To be arranged		Buck
803	5	To be arranged		Landacre
806	5	To be arranged		Landacre

ANIMAL HUSBANDRY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8 Lab., Tu., Th., 8 to 10 Lab., Tu., Th., 1 to 3	Pav.	Coffey Coffey Coffey
402	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 11	Pav.	Gay
602	5	L., M., W., F., at 10 Lab., M., W., 1 to 3 Lab., M., W., 8 to 10	Pav.	Conklin Conklin Conklin
606	5	Lab., Th., 1 to 5 F., 1 to 5 Sat., 8 to 10		Kays
608	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 9	Pav.	Plumb
610	3-15	To be arranged		
801	3-15	To be arranged		

ANIMAL HUSBANDRY—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 8	Pav.	Coffey
		Lab., Tu., Th., 8 to 10		Coffey
		Lab., Tu., Th., 1 to 3		Coffey
402	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 11	Pav.	Conklin
601	5	L., M., W., F., at 8	Pav.	Kays
		Lab., M., W., 9 to 11		Kays
607	5	L., M., Tu., at 1	Pav.	Conklin
		Lab., M., Tu., 2 to 5		Conklin
609	5	L., M., W., F., at 11	Pav.	Gay
		Lab., M., Tu., 1 to 3		Gay
		Lab., W., F., 1 to 3		Gay
610	3-15	To be arranged		
801	3-15	To be arranged		

SPRING QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 10	Pav.	Kays
		Lab., Tu., Th., 8 to 10		Kays
403	3	L., M., T., Th., at 1	Pav.	Kays
(Vet. Med.)		Lab., Tu., Th., 2 to 4		Kays
603	5	L., M., W., F., at 10		Coffey
		Lab., M., F., 8 to 10		Coffey
		M., F., 1 to 3		Coffey
604	5	L., M., W., F., at 11	Pav.	Conklin
		Lab., M., W., 1 to 3		Conklin
605	5	L., M., W., F., at 8	Pav.	Plumb
		Lab., M., F., 8 to 10		Plumb
610	3-15	To be arranged		
801	3-15	To be arranged		

APPLIED OPTICS—See page 88

ARCHITECTURE

AUTUMN QUARTER

401	3	L., Th., at 11	Br. 104	Fraser
		Lab., Tu., Th., 1 to 4	Br. 103	Ronan, Fraser
421	5	L., Tu., Th., at 10	Br. 104	Ronan
		Lab., M., W., F., 1 to 4	Br. 103	Chubb, Ronan,
				Fraser
422	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12	Br.	Chubb, Ronan,
		Other hours to be arranged in		Fraser
		afternoons only		
423	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12	Br.	Chubb, Ronan,
		Other hours to be arranged in		Fraser
		afternoons only		
431	3	M., W., F., at 11	Br. 104	Chubb
611	3	L., Tu., at 1	Br. 101	Haskett
		Lab., Tu., 2 to 5; Th., 1 to 5	Br. 102	
		L., W., at 1	Br. 104	Haskett
		Lab., W., 2 to 5; M., 1 to 5	Br. 102	
624	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12	Br.	Chubb, Ronan,
		Other hours to be arranged in		Fraser
		afternoons only		
625	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12	Br.	Chubb, Ronan,
		Other hours to be arranged in		Fraser
		afternoons only		

ARCHITECTURE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
525	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
534	3	L., M., W., F., at 10	Br. 104	Ronan
727	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
728	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
736	5	L., M., Tu., Th., F., at 11 Lab., to be arranged	Br. 109	Bradford

WINTER QUARTER

402	3	L., Th., at 11 Lab., Tu., Th., 1 to 4	Br. 104 Br. 103	Fraser Ronan, Fraser
422	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
423	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
432	3	L., M., W., F., at 11	Br. 104	Chubb
624	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
625	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
626	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
635	3	L., M., W., F., at 8	Br. 104	Chubb
640	5	L., M., W., F., at 10 Lab., to be arranged	Br. 104	Chubb
722	3	L., Tu., at 1 Lab., Tu., 2 to 5; Th., 1 to 5	Br. 104 Br.	Haskett
727	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
728	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
729	5	L., Tu., Th., at 11 Lab., Tu., Th., 1 to 5	Br. 207	Ronan
737	2	L., M., W., at 11	Br. 207	Bradford
747	3	L., M., W., at 11 Lab., to be arranged	Br. 207	Bradford
748	2	L., Tu., Th., at 11	Br. 109	Bradford

SPRING QUARTER

403	3	M., W., F., at 10	Br. 104	Chubb
422	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser

ARCHITECTURE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
423	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
433	3	M., W., F., at 8	Br. 104	Ronan
611	5	L., Tu., at 1 Lab., Tu., 2 to 5; Th., 1 to 5 L., W., at 1	Br. 1 Br. 1	Haskett Haskett
624	5	Lab., W., 2 to 5; M., 1 to 5 Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
625	5	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
626	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan, Fraser
641	5	M., Tu., W., Th., at 4 Lab. to be arranged	Br. 104	Bradford
715	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Br. 104	Bradford
718	5	To be arranged	Br.	All Instructors
727	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan Fraser
728	6	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12 Other hours to be arranged in afternoons only	Br.	Chubb, Ronan Fraser

ASTRONOMY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Obs.	Manson
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Obs.	Lord
	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Obs.	Manson
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Obs.	Lord
601	3	M., W., F., 10 to 12	Obs.	Lord
		T., Th., S., 10 to 12	Obs.	Manson
605	5	To be arranged	Obs.	Manson

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Obs.	Lord
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Obs.	Manson
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Obs.	Lord
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Obs.	Manson
602	3	M., W., F., at 2	Obs.	Lord
	3	M., Tu., F., at 11	Obs.	Manson
603	3 to 5	To be arranged	Obs.	Lord
606	5	To be arranged	Obs.	Manson

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Obs.	Manson
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Obs.	Manson
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Obs.	Manson

BACTERIOLOGY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
431	5	L., M., W., at 8 (Vet Med)	V. L. 101	Speer
		Lab., M., W., F., 9 to 12	V. L. 201	Speer
607	5	L., M., W., at 8	V. L. 101	Speer
		M., W., at 1	V. L. 102	Morrey
		Tu., Th., at 8	V. L. 102	Masters
		Lab., M., W., F., 9 to 12	V. L. 205	Masters
		M., W., F., 9 to 12	V. L. 201	Speer
		Tu., Th., S., 9 to 12	V. L. 205	Masters
		M., W., F., 2 to 5	V. L. 201	Speer
621	5	To be arranged		
625	5	M., W., F., 8 to 12	V. L. 8	
628	5	To be arranged		
641	5	L., Tu., Th., at 1	V. L. 101	Morrey
		Lab., M., W., F., 1 to 4	V. L. 8	Speer
		Tu., Th., 2 to 5; S., 8 to 11	V. L. 8, V. L. 201	
801	5 to 10	To be arranged		Morrey
804	5 to 10	To be arranged		Morrey

WINTER QUARTER

432	5	L., M., W., at 8 (Vet Med)	V. L. 102	Speer
		Lab., M., W., F., 9-12	V. L. 201	Speer
608	5	L., M., W., at 8	V. L. 101	Masters
		M., W., at 1	V. L. 102	Morrey
		Lab., M., W., F., 9 to 12	V. L. 205	Masters
		M., W., F., 2 to 5	V. L. 205	Masters
610	5	L., Tu., Th., at 11	V. L. 102	Morrey
		Lab., M., W., F., 1 to 4	V. L. 201	Morrey
614	5	L., Tu., Th., at 9	V. L. 102	Morrey
		Lab., M., W., F., 1 to 4	V. L. 201	Morrey
622	5	To be arranged		
626	5	M., W., F., 8 to 12	V. L. 8	
629	5	To be arranged		
642	3	L., Th., at 1	V. L. 101	Morrey
		Lab., M., W., F., 1 to 4	V. L. 8	Speer
		Tu., Th., 2 to 5; S., 8 to 11	V. L. 8, V. L. 201	
802	5 to 10	To be arranged		Morrey
805	5 to 10	To be arranged		Morrey

SPRING QUARTER

402	3	Tu., Th., 1 to 5 (Pharm)	V. L. 205	Jukes
450	5	L., M., W., at 8	V. L. 101	Speer
		Lab., M., W., F., 9 to 12	V. L. 201	Speer
607	5	L., Tu., Th., at 8	V. L. 101	Speer
		Lab., Tu., Th., S., 9 to 12	V. L. 201	Speer
612	5	L., Tu., Th., at 8	V. L. 102	Morrey
		Lab., Tu., Th., S., 9 to 12	V. L. 205	Morrey
617	5	M., W., F., 1 to 5	V. L. 8	
619	3	M., W., F., at 11	V. L. 101	
623	5	To be arranged		
627	5	M., W., F., 8 to 11	V. L. 8	
680	5	To be arranged		
803	5 to 10	To be arranged		Morrey
806	5 to 10	To be arranged		Morrey

BIBLIOGRAPHY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
501	1	Tu., at 3	L. 107	Jones
505	2	M., W., at 4	L. 107	Reeder

WINTER QUARTER

502	1	Tu., at 3	L. 107	Jones
506	2	M., W., at 4	L. 107	Reeder

SPRING QUARTER

401	1	To be arranged		Reeder
508	1	Tu., at 3	L. 107	Jones

BOTANY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8	B. Z. 110	Sampson, Waller, Tiffany, Sayre, E. L. Stover
		M., W., F., at 9	B. Z. 208, 110	
		M., W., F., at 10	B. Z.	
		M., W., F., at 1	B. Z. 208, 110	
		M., W., F., at 2	B. Z. 208, 110	
		M., W., F., at 3	B. Z. 110, 208	
		Lab., M., W., 10 to 12	B. Z. 62	
		M., W., 1 to 3	B. Z. 62	
		Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 62, 108	Transeau Sayre
		Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 62, 108	
		Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 62, 108	
		W., F., 8 to 10	B. Z. 62, 108	
415	5	L., M., W., F., at 10	B. Z. 110	
		Lab., Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 112	
		Tu., Th., 3 to 5	B. Z. 112	
419	5	L., M., W., F., at 11	B. Z. 208	W. G. Stover
		Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 210	
601	5	L., M., W., F., at 11	B. Z. 110	Transeau
		Lab., Th., 1 to 5	B. Z. 206	
607	5	To be arranged	B. Z. 300	Schaffner Sampson
617	5	L., Tu., at 1	B. Z.	
		Lab., Tu., Th., 2 to 4	B. Z. 66	Waller
		Other hours to be arranged		
619	5	L., M., Tu., W., Th., at 10	B. Z. 208	
		Lab., F., 10 to 12	B. Z. 206	W. G. Stover
651	5	L., Tu., Th., at 1	B. Z. 110	
		Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 210	All Instructors
701	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
702	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
703	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
704	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
705	3 or 5	To be arranged	B. Z.	Transeau, Schaffner, W. G. Stover, Sampson, Waller
801	3 to 10	To be arranged	B. Z.	
802	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
803	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
804	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
805	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
806	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
810	1	To be arranged	B. Z.	

BOTANY—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 9	B. Z. 110	Sampson, Waller, Tiffany, Sayre, E. L. Stover
		M., W., F., at 10	B. Z.	
		Lab., Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 108, 62	
402	5	Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 66	Sampson, Waller, Tiffany, Sayre, E. L. Stover
		L., M., W., F., at 9	B. Z. 208	
		M., W., F., at 10	B. Z. 208	
		M., W., F., at 1	B. Z. 208	
		M., W., F., at 2	B. Z. 208	
		M., W., F., at 3	B. Z. 110, 208	
		Lab., M., W., 10 to 12	B. Z. 108, 62	
		M., W., 1 to 3	B. Z. 108, 62	
		Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 108, 62	
		Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 108, 62	
409	5	Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 108	E. L. Stover
		L., M., W., F., at 8	B. Z. 110	
608	5	Lab., Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 206	Schaffner
		To be arranged	B. Z. 300	
611	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	B. Z. 110	Schaffner
658	5	L., M., W., F., at 1	B. Z. 110	W. G. Stover
		Lab., Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 210	
657	3	L., M., at 10	B. Z. 110	W. G. Stover
		Lab., W., F., 10 to 12	B. Z. 200	
701	3 or 5	To be arranged	B. Z.	All Instructors
702	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
703	3 or 5	To be arranged	B. Z.	Transeau, Schaff- ner, W. G. Stover, Sampson, Waller
704	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
705	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
801	3 to 10	To be arranged	B. Z.	
802	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
803	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
804	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
805	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
806	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
810	1	To be arranged	B. Z.	

SPRING QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8	B. Z.	Waller Sayre E. L. Stover
		M., W., F., at 9	B. Z.	
		M., W., F., at 1	B. Z.	
		Lab., M., W., 10 to 12	B. Z. 62	
		Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 62	
402	5	Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 62	Transeau Sayre
		L., M., W., F., at 8	B. Z. 110	
		M., W., F., at 9	B. Z. 110	
		M., W., F., at 1	B. Z. 110	
		Lab., M., W., 10 to 12	B. Z. 108	
416	5	Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 108	Transeau
		Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 108	
		L., M., W., F., at 10	B. Z. 110	
		Lab., Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 112	
		Tu., Th., 3 to 5	B. Z. 112	
602	5	L., M., W., F., at 11	B. Z. 110	Schaffner
		Lab., Th., 1 to 5	B. Z. 206	
609	5	To be arranged		Schaffner
635	5	L., Tu., Th., at 1	B. Z. 208	Schaffner
		Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 206	

BOTANY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
659	3	L., M., at 10 Lab., W., F., 10 to 12	B. Z. 208 B. Z. 210	W. G. Stover
661	5	L., M., W., at 1 Lab., Tu., Th., F., 1 to 3	B. Z. 208 B. Z. 210	W. G. Stover
670	5	To be arranged	B. Z.	Schaffner
701	3 or 5	To be arranged	B. Z.	All Instructors
702	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
703	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
704	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
705	3 or 5	To be arranged	B. Z.	
801	3 to 10	To be arranged	B. Z.	Transeau, Schaffner,
802	4 to 10	To be arranged	B. Z.	W. G. Stover,
803	4 to 10	To be arranged	B. Z.	Sampson, Waller
804	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
805	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
806	4 to 10	To be arranged	B. Z.	
810	1	To be arranged	B. Z.	

BUSINESS ORGANIZATION

AUTUMN QUARTER

604	3	Tu., Th., S., at 11	P. 207	Held
621	3	M., W., F., at 9 M., W., F., at 10 M., W., F., at 11	P. 9 P. 10 P. 9	Pike, and assistants
625	3	M., W., F., at 8	P. 9	Pike, and assistants
640	3	M., W., F., at 8	P.	Hoagland
650	5	L., Tu., Th., at 10 Q., M., W., F., at 10 M., W., F., at 1 M., W., F., at 2	H. F. 206 P. 6 P. 9 P. 9	Hoagland and assistants
660	3	Tu., Th., S., at 9	P. 208	Dice
681	3	Tu., Th., S., at 8	P. 9	
685	3	Tu., Th., S., at 9	P. 9	Fisher
686	3	M., W., F., at 3 (Eng.) E.E.	P. 9	
700	5	M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 208 P. 109	Hagerty Weidler
712	3	M., W., F., at 8 M., W., F., at 3	P. 6 P. 10	Fitzgerald Fitzgerald
720	3	M., W., F., at 11	P. 6	Weidler
740	3	To be arranged		Ruggles
760	3	Tu., Th., S., at 8	P. 109	Fitzgerald
801	1 to 3	To be arranged		Hoagland
805	1 to 3	To be arranged		Ruggles
809	1 to 3	To be arranged		Ruggles
813	1 to 3	To be arranged		Fitzgerald
817	1 to 3	To be arranged		Weidler
821	1 to 3	To be arranged		Dice
881	2	To be arranged		All Instructors
885		To be arranged		

WINTER QUARTER

614	3	L., Tu., Th., at 11 Lab. M., 1 to 3 M., 3 to 5	P. 10	Croxton
620	1	M., at 4	P. 208	Hagerty

BUSINESS ORGANIZATION—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
621	3	M., W., F., at 8		Pike and assistants
623	3	M., W., F., at 9	P. 9	Pike and assistants
		M., W., F., at 10	P. 6	
		M., W., F., at 11	P. 6	
640	3	M., W., F., at 8	Ph. 302	Hoagland
650	5	L., Tu., Th., at 10	H. F. 206	Hoagland and assistants
		Q., M., W., F., at 10	H. F. 108	
		M., W., F., at 1	P. 109	
		M., W., F., at 2	P. 109	
656	3	M., W., F., at 9	P. 10	Hoagland
665	3	M., W., F., at 10	P. 10	Dice
		Tu., Th., S., at 9	P. 10	
682	2	Tu., S., at 8	P. 109	
686	3	Tu., Th., S., at 9	P. 109	Fisher
691	3	Tu., Th., S., at 10	P. 109	Fisher
700	5	M., Tu, W., Th., F., at 8	Ha. 201	Hagerty, Weidler
702	3	M., W., F., at 9	P. 109	Hagerty
		M., W., F., at 10	P. 109	Weidler
712	3	M., W., F., at 8		
		M., W., F., at 3	P. 109	Fitzgerald
716	3	M., W., F., at 8	Ha. 200	Fitzgerald
721	3	M., W., F., at 11	P. 13	Weidler
762	3	Tu., Th., S., at 8	P. 208	Fitzgerald
802	1 to 3	To be arranged		Hoagland
806	1 to 3	To be arranged		Ruggles
810	1 to 3	To be arranged		Ruggles
814	1 to 3	To be arranged		Fitzgerald
818	1 to 3	To be arranged		Weidler
822	1 to 3	To be arranged		Dice
832	2	To be arranged		All Instructors
836		To be arranged		

SPRING QUARTER

604	3	M., W., F., at 8	P. 109	Held
614	3	L., Tu., Th., at 9	P. 10	Croxton
		Lab., W., 1 to 3		
		W., 3 to 5		
615	3	L., Tu., Th., at 1	P. 13	Croxton
		Lab., F., 1 to 3		
623	3	M., W., F., at 8	O. 14	Pike and assistants
625	3	M., W., F., at 9	P. 13	Pike and assistants
		M., W., F., at 10	P. 6	
		M., W., F., at 11	P. 109	
627	3	M., W., F., at 8	O. 11	Pike
650	5	L., Tu., Th., at 10		Hoagland and assistant
		Q., M., W., F., at 10	P. 10	
		M., W., F., at 1	P. 109	
		M., W., F., at 2	P. 10	
652	3	M., W., F., at 9	P. 109	Hoagland
658	3	M., W., F., at 8	P. 10	Hoagland
		M., W., F., at 11	P. 6	
670	4	L., M., W., at 10	O. 14	Dice
		Q., F., at 10	O. 14	Eckelberry
		F., at 1	O. 14	
		Lab., Th., 1 to 3		
680	5	Tu., W., Th., F., S., at 8	O. 105	Fisher
687	3	Tu., Th., S., at 9	P. 109	Fisher
692	3	To be arranged		Fisher

BUSINESS ORGANIZATION—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
700	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	P. 109	Hagerty
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 109	Weidler
705	3	M., W. F., at 9	O. 14	Weidler
		M., W., F., at 10	O. 11	
712	3	M., W., F., at 8		Fitzgerald
		M., W., F., at 3	O. 14	Fitzgerald
717	3	M., W., F., at 8		Fitzgerald
722	3	M., W., F., at 11	O. 14	Weidler
764	3	Tu., Th., S., at 8	P. 109	Fitzgerald
803	1 to 3	To be arranged		Hoagland
807	1 to 3	To be arranged		Ruggles
811	1 to 3	To be arranged		Ruggles
815	1 to 3	To be arranged		Fitzgerald
819	1 to 3	To be arranged		Weidler
823	1 to 3	To be arranged		Dice
833	2	To be arranged		All Instructors
837		To be arranged		

CERAMIC ENGINEERING**AUTUMN QUARTER**

610	5	M., Tu. W., Th., F., at 10	Lo. 125	Watts, Harrop
615	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Lo. 125	Robson
701	5	L., M., Tu., at 11	Lo. 121	Watts, Robson
		Lab., M., Tu., 1 to 5		
705	5	L. Th., F., at 11	Lo. 231	Harrop
		Lab., Th., F., 1 to 5		
801	3 to 10	To be arranged		Watts, Harrop
805	2	To be arranged		Watts
810	2	To be arranged		Watts
815	2 to 5	To be arranged		Watts, Harrop

WINTER QUARTER

401	4	M., Tu., W., F., at 8	Lo. 125	Watts
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Lo. 125	Harrop
605	4	M., Tu., W., F., at 10	Lo. 125	Watts
620	5	M., T., 1 to 5; W., 1 to 4	Lo. 224	Robson
702	5	L., M., Tu., at 11	Lo. 121	Watts, Robson
		Lab., M., Tu., 1 to 5		
706	5	L., Th., F., at 11	Lo. 231	Harrop
		Lab., Th., F., 1 to 5		
710	2	W., 8 to 10; W., 1 to 5	Lo.	Watts, Harrop
802	3 to 10	To be arranged		Watts, Harrop
806	2	To be arranged		Watts
811	2	To be arranged		Watts
816	2 to 5	To be arranged		Watts, Harrop

SPRING QUARTER

405	4	M., Tu., W., F., at 8	Lo. 125	Harrop
610	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Lo. 125	Watts, Harrop
630		Junior Inspection Trip		Watts
703	5	L., M., Tu., at 11	Lo. 121	Watts, Robson
		Lab., M., Tu., 1 to 5		

CERAMIC ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
707	5	L., Th., F., at 11 Lab., Th., F., 1 to 5	Lo. 231	Harrop
711	4	Tu., 8 to 10; W., 8 to 11; W., 1 to 5	Lo.	Watts, Harrop
730		Senior Inspection Trip		
803	3 to 10	To be arranged		Watts, Harrop
807	2	To be arranged		Watts
812	2	To be arranged		Watts
817	2 to 5	To be arranged		Watts, Harrop

CHEMISTRY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., at 8 M., at 3 Th., at 9 Th., at 2 Q., F., at 8 F., at 9 F., at 3 S., at 8 Lab., M., W., 8 to 11 Tu., Th., 8 to 11 F., S., 8 to 11 M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 302 Ch. 302 Ch. 302 Ch. 302 Lab. 302	Evans and assistants
411	5	L., Tu., at 9 Tu., at 2 W., at 8 W., at 3 Q., F., at 8 F., at 9 F., at 3 S., at 8 Lab., M., W., 8 to 11 Tu., Th., 8 to 11 F., S., 8 to 11 M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 101 Lab. 101 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 101	Evans and assistants
421	4	L., Tu., at 3 Th., at 3 Lab. open daily 8 to 12, and 1 to 4:30	Ch. 200 Ch. 200	Foulk and assistants
441	3	L., Tu., Th., S., at 11	Ch. 200	McPherson
444	3	Lab., 2 periods of 3 hrs. each		Boord and assistants
447	3	L., M., W., F., at 1	Ch. 200	McPherson
449	3 or 4	Lab., 3 periods of 3 hrs. each		Boord and assistants
621	4 or 5	To be arranged		Foulk
623	4 or 5	L., W., at 8 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4:30	Ch. 101	Hollingsworth
663	3	L., M., W., F., at 1	Ch. 101	Henderson
681	3	L., M., W., F., at 11	Ch. 200	France
692	2	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		France

CHEMISTRY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
701	3	L., M., W., F., at 10	Ch. 200	Withrow
705		Written Reports		Withrow
706	5	Lab., Tu., Th., 9 to 12 and Tu., W., Th., 1 to 4		Withrow
821	3	L., M., W., F., at 11	Ch. 302	Foulk
841	3	L., M., W., F., at 4	Ch. 101	Boord
844	3 or 5	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		Boord
850	3	L., Tu., Th., S., at 11	Ch. 101	Boord
861	3	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		Mack, France
891	2	L., Tu., Th., at 11	Ch. 302	France
900	2 to 5	To be arranged		Withrow
905	2	L., Tu., Th., at 4	Ch. 101	Withrow
950	5 to 15	To be arranged		
Chemical Colloquium—To be arranged				

WINTER QUARTER

401	5	L., F., at 8 Q., W., at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 302	Evans and assistants
402	5	L., M., at 8 M., at 3 Th., at 9 Th., at 2 Q., F., at 8 F., at 9 F., at 3 S., at 8 Lab., M., W., 8 to 11 Tu., Th., 8 to 11 F., S., 8 to 11 M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 302 Ch. 302 Ch. 101 Ch. 302	
411	5	L., F., at 3 Q., W., at 3 Lab., Tu., Th., 8 to 11	Ch. 200 Ch. 101	Evans and assistants
412	5	L., Tu., at 9 Tu., at 2 W., at 8 W., at 3 Q., F., at 8 F., at 9 F., at 3 S., at 8 Lab., M., W., 8 to 11 Tu., Th., 8 to 11 F., S., 8 to 11 M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 101	Evans and assistants
422	4	L., Tu., at 3 Th., at 3 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4:30	Ch. 200 Ch. 200	Foulk
442	3	L., Tu., Th., S., at 11	Ch. 200	McPherson
445	2	Lab., 2 periods of 3 hrs each		Boord and assistants

CHEMISTRY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
448	3	L., M., W., F., at 1	Ch. 200	McPherson
450	3 or 4	Lab., 3 periods of 3 hrs each		Boord and assistants
503	2	Lab., Th., S., 9 to 12 M., 1 to 4		Withrow
622	3	L., M., W., F., at 3	Ch. 302	Foulk
662	3	L., M., W., F., at 9	Ch. 200	France
682	3	L., M., W., F., at 11	Ch. 200	Mack
693	2	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4:30		Mack, France
702	3	L., M., W., F., at 10	Ch. 200	Withrow
705		Written reports		Withrow and assistants
707	3	Lab., Tu., 9 to 12 and Tu., W., 1 to 4		
782	1	L., F., at 2	Ch. 101	Boord
822	3	L., M., W., F., at 11	Ch. 302	Foulk
842	3	L., M., W., F., at 4	Ch. 101	Boord
845	3 or 5	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		Boord
851	3	L., Tu., Th., S., at 11	Ch. 101	Evans
862	3	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		Mack, France
892	2	L., Tu., Th., at 11	Ch. 302	Mack
901	2 to 5	To be arranged		Withrow
906	2	L., Tu., Th., at 4	Ch. 101	Withrow
930	3	L., M., W., F., at 1	Ch. 101	Henderson
950	5 to 15	To be arranged		
Chemical Colloquium—To be arranged				

SPRING QUARTER

402	5	L., F., at 8 Q., W., at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 302	Evans and assistants
403	5	L., M., at 8 M., at 3 Th., at 2 Th., at 9 Q., F., at 9 F., at 3 F., at 8 S., at 8 Lab., M., W., 8 to 11 Tu., Th., 1 to 4 Tu., Th., 8 to 11 M., W., 1 to 4	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 101 Ch. 101 Ch. 302 Ch. 302	
412	5	L., F., at 3 Q., W., at 3 Lab., Tu., Th., 8 to 11	Ch. 200 Ch. 101	Evans and assistants
413	5	L., Tu., at 9 Tu., at 2 W., at 8 W., at 3 Q., F., at 9 F., at 2 F., at 8 S., at 8	Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 200 Ch. 302 Ch. 302 Ch. 101	Evans and assistants

CHEMISTRY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		Lab., M., W., 8 to 11 M., W., 1 to 4 Tu., Th., 1 to 4 Tu., Th., 8 to 11		
422	4	L., Tu., at 3 Th., at 3 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4:30	Ch. 203 Ch. 200	Foulk Foulk
483	2	L., Tu., Th., at 11	Ch. 200	Mack
504	5 to 6	Lab., M., Tu., W., Th., F., 1 to 4; S., 8 to 12		Withrow
581	3	L., M., W., F., at 9	Ch. 302	Foulk
624	4 or 5	L., W., at 8 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4	Ch. 101	Hollingsworth
625	5	L., M., W., F., at 3 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4	Ch. 302	Foulk
641	3	L., Tu., at 4 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5	Ch. 101	Boord
642	3	L., Th., at 4 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5	Ch. 101	Boord
672	3	L. F., at 2 Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4	Ch. 101	France
683	3	L., M., W., F., at 11	Ch. 200	Mack
694	2	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 4		Mack, France
695	2	L., Tu., Th., at 11	Ch. 101	France
703		Inspection trip east		Withrow
710	3	L., M., W., F., at 10	Ch. 101	Withrow
781	2	L., Tu., Th., at 12	Ch. 101	McPherson
783	1	L., F., at 1	Ch. 101	Henderson
852	3	L., M., W., F., at 4	Ch. 101	McPherson
863	3	Lab., open daily 8 to 12 and 1 to 5		Mack, France
902	2 to 5	To be arranged		Withrow
907	2	L., M., F., at 11	Ch. 101	Withrow
950	5 to 15	To be arranged		
Chemical Colloquium—To be arranged				

CIVIL ENGINEERING

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., at 8 3 hour field periods to be arranged	Br. 207	Eno, Sloane, Wal
		M., Tu., W., Th., at 1 3 hour field periods to be arranged	Br. 109	Sherman, Merrell, Brown
403	5	M., Tu., W., Th., at 8 3 hour field periods to be arranged	Br. 109	Sherman

CIVIL ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
404	4	M., Tu., W., 2 to 5		Wall
411	2	L., M., W., at 10	Br. 1	Brown
		Lab., W., 2 to 5		
		Th., 2 to 5		
412	5	L., Tu., W., Th., at 8	Br. 1	Brown
		Lab., Tu., Th., 9 to 12		
601	5	Tu., Th., at 8;		Merrell
		M., W., F., 8 to 11		
		M., Tu., at 1; M., T., W., 2 to 5	Br. 207	Sloane
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 207	Eno
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Br. 207	Eno
701	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 104	Shank
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 104	Shank
702	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 12	Burkey
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 12	Burkey
706	1	To be arranged		All Instructors
712	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 109	Sloane
713	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Br. 12	Shank
730	3	M., W., F., at 10	Br. 109	Sherman
733	3	M., W., F., at 10	Br. 12	Burkey
736	3	M., W., F., at 10	Br. 207	Eno

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., at 1	Br. 207	Brown
		3 hour field periods		
		to be arranged		
402	5	M., Tu., W., Th., at 8	Br. 1	Sloane, Brown
		3 hour field periods		
		to be arranged		
		M., Tu., W., Th., at 1	Br. 12	Merrell, Wall
		3 hour field periods		
		to be arranged		
404	4	Th., at 10; M., Tu., W., 9 to 12	Br. 104	Sloane, Brown
		M., at 10; M., T., W., 2 to 5	Br. 207	Eno, Wall
603	5	Tu., Th., at 8; M., W., F., 8 to 11	Br. 104	Merrell
		M., W., at 1; M., W., 2 to 5; F., 1 to 4	Br. 109	Sloane
611	3	M., W., F., at 8	Br. 203	Shank
		M., W., F., at 10	Br. 1	Wall
		M., W., F., at 11	Br. 109	Merrell
703	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 207	Eno
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 207	Eno
704	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 109	Sherman
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 109	Sherman
707	2	To be arranged		All Instructors
711	3	M., W., F., at 9	Br. 12	Morris, Shank
712	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Shank
714	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 12	Morris
731	3	M., W., F., at 10	Br. 109	Sherman
734	3	M., W., F., at 10	Morris	Br. 12
738	3	L., F., at 4	Sloane	Br. 109
		Lab., S., 8 to 12		

CIVIL ENGINEERING—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
402	5	M., Tu., W., Th., at 1 3 hour field periods to be arranged	Br. 109	Wall
403	5	M., Tu., W., Th., at 8 3 hour field periods to be arranged	Br. 1	Sloane, Merrell, Brown
		M., Tu., W., Th., at 1	Br. 12	
405	4	M., W., at 9; T., Th., 2 to 5	Br. 1	Sloane
		M., W., at 3; Tu., Th., 9 to 12	Br. 109	Merrell
411	3	W., F., at 10; S., 8 to 11	Br. 207	Brown
		Tu., Th., at 11; Tu., 2 to 5	Br. 12	Wall
		Tu., Th., at 11; M., 1 to 4	Br. 109	Brown
		W., F., at 10; Th., 9 to 12	Br. 207	Wall
604	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 12	Morris
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 12	Morris
605	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 207	Eno
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 207	Eno
606	3	W., at 1; M., Tu., 1 to 4	Br. 207	Shank
		W., at 2; Th., F., 1 to 4	Br. 207	Shank
705	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Br. 109	Sherman
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Br. 109	Sherman
708	5	To be arranged		All Instructors
711	3	M., W., F., at 9	Br. 104	Shank
712	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		Shank
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Br. 1	Sloane
732	3	M., W., F., at 10	Br. 109	Sherman
735	3	M., W., F., at 10	Br. 12	Morris
739	3	M., at 10; M., Tu., 1 to 3	Br. 207	Eno

DAIRYING

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 9 Lab., Tu., 1 to 4 F., 1 to 4	T. 200	Drain
404	5	L., Tu., Th., at 10 Lab., F., 8 to 12; S., 8 to 10	T. 205	Drain
405	5	L., M., W., Th., at 10 Lab., M., 2 to 5; Tu., 8 to 11 Th., 2 to 5; F., 8 to 11	T. 200	Kochheiser
406	3 or 5	To be arranged	T.	Kochheiser
411	3	To be arranged	T.	Kochheiser
601	3 or 5	To be arranged	T.	Erf
603	3 or 5	To be arranged	T.	Erf
604	3 or 5	To be arranged	T.	Drain
801	5 to 10	To be arranged	T.	Erf, Stoltz

WINTER QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 9 Lab., Tu., 1 to 4 F., 1 to 4	T. 200	Drain
402	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 9	T. 205	Erf

DAIRYING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
405	5	L., M., W., Th., at 10 Lab., M., 2 to 5; Tu., 8 to 11 Th., 2 to 5; F., 8 to 11	T. 200	Kochheiser
406	3 or 5	To be arranged		Kochheiser
407	3	L., M., at 11 Lab., to be arranged	T. 200	Stoltz
408	5	L., W., F., at 11 Lab., to be arranged	T. 200	Stoltz
601	3 to 5	To be arranged	T.	Erf
603	3 or 5	To be arranged	T.	Erf
604	3 or 5	To be arranged	T.	Drain
801	5 to 10	To be arranged	T.	Erf, Stoltz

SPRING QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 2 Lab., Tu., 8 to 11 F., 8 to 11	T. 200	Drain
403	5	L., M., W., F., at 11 Lab., M., W., 8 to 11	T. 200	Drain
405	5	L., M., W., Th., at 10 Lab., M., 2 to 5; Tu., 8 to 11 Th., 2 to 5; F., 8 to 11	T. 200	Kochheiser
406	3	To be arranged		Kochheiser
409	3	L., Tu., Th., at 11 Lab., Th., 8 to 11	T. 200	Stoltz
410	5	L., M., W., F., at 11 Lab., F., 1 to 4; S., 8 to 11	T. 204	Stoltz
412	3	L., M., F., at 1 (Vet. Med.) Lab., F., 2 to 5	T. 200	Drain
601	3 or 5	To be arranged	T.	Erf
603	3 or 5	To be arranged	T.	Erf
604	3 or 5	To be arranged	T.	Drain
801	5 to 10	To be arranged	T.	Erf, Stoltz

ECONOMIC AND SOCIAL GEOGRAPHY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 12 P. 12 P. 12 P. 12 P. 12 P. 12	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Eckelberry, and assistants
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 13 P. 13 P. 13 P. 13	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Hoskins, and assistants
601	3	M., W., F., at 9 M., W., F., at 9 M., W., F., at 10	P. 13 P. 10 P. 13	Huntington
623	3	M., W., F., at 8	P. 10	Blanchard
633	3	M., W., F., at 1	P. 13	Van Cleef
801	1 to 3	To be arranged		Huntington, Van Cleef

ECONOMIC AND SOCIAL GEOGRAPHY—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	P. 12	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Eckelberry, and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 11	P. 12	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 12	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 12	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	P. 13	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Hoskins, and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 9	P. 13	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	P. 13	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	P. 13	
605	2	Tu., Th., at 9	P. 12	Huntington
621	3	M., W., F., at 9	P. 12	Huntington
		M., W., F., at 10	P. 12	Huntington
624	3	M., W., F., at 8	P. 10	Blanchard
634	3	M., W., F., at 1	P. 10	Van Cleef
		M., W., F., at 2	P. 10	Van Cleef
802	1 to 3	To be arranged		Huntington, Van Cleef

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	P. 12	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Eckelberry, and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 9	P. 12	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	P. 12	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	P. 12	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	P. 13	Huntington, Blanchard, Van Cleef, Hoskins, and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 11	P. 13	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 13	
603	4	M., Tu., W., Th., at 11	P. 12	Huntington
604	2	Tu., Th., at 9	P. 13	Huntington
625	3	M., W., F., at 10	P. 13	Van Cleef
631	3	M., W., F., at 1	P. 13	Van Cleef
		M., W., F., at 2	P. 12	Van Cleef
641	1 to 3	To be arranged		Huntington, Van Cleef
803	1 to 3	To be arranged		Huntington, Van Cleef

ECONOMICS

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	H. F. 204, 106, 107	Hayes and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 107, 203	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 10, P. 6, H. F. 107, 203	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 107, 203, 106	Hayes and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 8	H. F. 203, 118	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 109, —, —	
601	3	M., W., F., at 11	P. 207	Hammond
607	3	Tu., Th., S., at 9	P. 207	Walradt
610	5	L., Tu., Th., at 8	P. 208	Dice
		Q., M., W., F., at 8	Ph. 204	
		M., W., F., at 11	P. 12	
		M., W., F., at 2	Ph. 205	

ECONOMICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
616	5	L., Tu., Th., at 9	P. 109	Hoagland and assistants
		Q., M., W., F., at 9	P. 109	
		M., W., F., at 11	P. 109	
618	5	L., Tu., Th., at 8	P. 207	Ruggles
		Q., M., W., F., at 8	P. 207	
		M., W., F., at 2	P. 207	
622	3	L., Tu., Th., at 8	P. 10	Croxton
		Tu., Th., at 10	P. 10	
		Tu., Th., at 11	P. 10	
		Lab., M., 1 to 3		
		W., 1 to 3		
		F., 1 to 3		
		M., 3 to 5		
		W., 3 to 5		
		F., 3 to 5		
624	3	Tu., Th., S., at 9	P. 10	Fitzgerald
631	3	M., W., F., at 9	P. 207	Walradt
		Tu., Th., S., at 10	P. 207	
637	3	M., W., F., at 3	P. 207	Hammond
643	4	M., Tu., Th., F., at 2	P. 7	Mark
648	3	M., W., F., at 8	P. 109	Ruggles
655	3	M., W., F., at 11	P. 10	Hayes
661	3	M., W., F., at 10	P. 207	Walradt
801	3	M., W., F., at 1	P. 207	Hammond
810	2	M., 4 to 6	L. 305	Hayes
816	3	M., W., F., at 1	P. 109	Hammond, Hayes
819	2	To be arranged		Held
822	2	Tu., 4 to 6	P.	All Instructors
828	1 to 3	To be arranged		
831	1 to 3	To be arranged		Ruggles
835	1 to 3	To be arranged		Ruggles
839	1 to 3	To be arranged		Hoagland
845	1 to 3	To be arranged		Dice

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	H. F. 108, 204	Hayes and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 107, 203	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 9, H. F. 107, 203	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	H. F. 107, 203	Hayes and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 107, 203	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 6, H. F. 106, 203, 107	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 106, 108	
403	3	M., W., F., at 3	P. 10	Hayes and assistants
602	3	M., W., F., at 11	P. 109	Hammond
608	3	Tu., Th., S., at 9	P. 207	Walradt
610	5	L., Tu., Th., at 8	P. 9	Dice
		Q., M., W., F., at 8	P. 9	
		M., W., F., at 11	P. 9	
		M., W., F., at 2	P. 9	
617	3	M., W., F., at 8	P. 109	Hoagland, Ruggles
618	5	L., Tu., Th., at 8	P. 207	
		Q., M., W., F., at 8	P. 207	
		M., W., F., at 2	P. 207	

ECONOMICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
622	3	L., Tu., Th., at 8 Tu., Th., at 10 Lab., W., 1 to 3 F., 1 to 3 W., 3 to 5 F., 3 to 5	P. 10 P. 10	Croxton
632	3	M., W., F., at 9 Tu., Th., S., at 10	P. 207 P. 9	Walradt
638	3	M., W., F., at 3	P. 207	Hammond
644	4	M., Tu., Th., F., at 2	P. 7	Mark
656	3	M., W., F., at 11	P. 10	Hayes
662	3	M., W., F., at 10	P. 9	Walradt
802	3	M., W., F., at 1	P. 207	Hammond
811	2	M., 4 to 6	L. 305	Hayes
817	3	M., W., F., at 1		Hammond, Hayes
820	2	To be arranged		Held
823	2	Tu., 4 to 6	P. 106	All Instructors
829	1 to 3	To be arranged		
832	1 to 3	To be arranged		Ruggles
836	1 to 3	To be arranged		Ruggles
840	1 to 3	To be arranged		Hoagland
846	1 to 3	To be arranged		Dice

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 2	H. F. 204, 107, 203 P. 9, H. F. 107, 203 P. 208, H. F. 107, 106	Hayes and assist- ants
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 107, 203 H. F. 107, 106, 113, P. 109	Hayes and assist- ants
404	3	M., W., F., at 2 M., W., F., at 3	P. 6 P. 6	Hayes and assist- ants
603	3	M., W., F., at 11	P. 207	Hammond
610	5	L., Tu., Th., at 8 Q., M., W., F., at 8 M., W., F., at 11 M., W., F., at 2	P. 9 P. 9 P. 9 P. 9	Dice
618	5	L., Tu., Th., at 8 Q., M., W., F., at 8 M., W., F., at 2	P. 207 P. 207 P. 207	Ruggles
622	3	L., Tu., Th., at 10 Lab., M., 1 to 3 M., 3 to 5	P. 10	Croxton
633	3	M., W., F., at 9 Tu., Th., S., at 10	P. 207 P. 9	Walradt Walradt
639	3	M., W., F., at 3	P. 207	Hammond
651	3	M., W., F., at 9	P. 10	Held
657	3	M., W., F., at 11	P. 10	Hayes
663	3	M., W., F., at 10	P. 9	Walradt
803	3	M., W., F., at 1	P. 106	Hammond
818	3	M., W., F., at 1	P. 208	Hammond, Hayes
821	2	To be arranged		Held
824	2	Tu., 4 to 6		All Instructors

ECONOMICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
830	1 to 3	To be arranged		
833	1 to 3	To be arranged		Ruggles
837	1 to 3	To be arranged		Ruggles
841	1 to 3	To be arranged		Hoagland
847	1 to 3	To be arranged		Dice

ELECTRICAL ENGINEERING

AUTUMN QUARTER

601	5	L., M., W., F., at 8; Tu., 8 to 12	R. L. 272	Wright
		L., M., W., F., at 8; Th., 8 to 12	R. L. 272	Wright
605	5	L., M., W., F., at 8; Tu., 8 to 12	R. L. 271	Caldwell, Puchstein
		L., M., W., F., at 8; Th., 8 to 12	R. L. 271	
		Calc., M., W., or F., 9 to 12		
622	2	L., Tu., Th., at 4	R. L. 271	Caldwell
701	3	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 9 Calc., Tu., 9 to 12 Th., 9 to 12	R. L. 271	Caldwell, Puchstein
705	4	Lab., M., 11 to 5 W., 11 to 5 F., 10 to 4		Brown
710	4	L., M., W., F., at 10 Lab., F., 1 to 4	R. L. 272	Shepardson
715	4	L., M., W., at 10; S., at 9; Th., 2 to 5 M., W., at 10; S., at 9; Tu., 2 to 5	R. L. 271	Wright
720	4	L., Tu., Th., at 1; M., at 11; M., 1 to 4	R. L. 271	Caldwell
722	3	L., Tu., Th., at 1; M., at 11	R. L. 271	Caldwell
725	4	L., Tu., Th., at 1; S., at 8; Tu., 2 to 5 Tu., Th., at 1; S., at 8; Th., 2 to 5	R. L. 272	Brown
760		To be arranged		All Instructors
765		To be arranged		All Instructors
775	4	M., W., at 9; Tu., 1 to 5 M., W., at 9; Th., 1 to 5	R. L. 272	Shepardson
776	4	L., Tu., Th., at 11; Tu., 1 to 5 Tu., Th., at 11; Th., 1 to 5	R. L. 272	Shepardson
801		To be arranged		All Instructors
805		To be arranged		All Instructors
811		To be arranged		All Instructors

WINTER QUARTER

601	5	L., M., W., F., at 8; Tu., 8 to 12	R. L. 272	Wright
		M., W., F., at 8; Th., 8 to 12	R. L. 272	Wright

ELECTRICAL ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
605	5	L., M., W., F., at 8; Tu., 8 to 12 M., W., F., at 8; Th., 8 to 12 Calc., M., W., or F., 9 to 12	R. L. 271 R. L. 271	Caldwell, Puchstein
630	5	L., M., W., F., at 10 Lab., S., 8 to 12	R. L. 272	Wright
640	2	Tu., Th., at 8 Tu., Th., at 9	R. L. 272 R. L. 272	Shepardson
702	3	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 9 Calc., Tu., or Th., 9 to 12	R. L. 271	Caldwell, Puchstein
706	4	Lab., M., 11 to 5 W., 11 to 4 F., 10 to 4		Brown
730	4	Tu., Th., 2 to 5 Calc., S., 8 to 11		Puchstein
735	4 to 5	To be arranged		All Instructors
761		To be arranged		All Instructors
766		To be arranged		All Instructors
775	4	L., Tu., Th., at 8; Tu., 1 to 5 Tu., Th., at 8; Th., 1 to 5	R. L. 271 R. L. 271	Shepardson Shepardson
776	4	L., Tu., Th., at 11; Tu., 1 to 5 Tu., Th., at 11; Th., 1 to 5	R. L. 272 R. L. 272	Shepardson Shepardson
802		To be arranged		All Instructors
806		To be arranged		All Instructors
812		To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

610	2	L., M., F., at 11; M., W., 8 to 11 (alternate weeks)	R. L. 271	Wright
615	2	L., Tu., Th., at 2; M., W., 8 to 11 (alternate weeks)	R. L. 272	Brown
635	3	L., M., W., F., at 11	R. L. 272	Wright
641	5	L., Tu., Th., at 8 M., W., at 9 Lab., Tu., Th., 9 to 12 Tu., Th., 1 to 4	R. L. 272 R. L. 272 R. L. 272	Shepardson Shepardson
731	3	To be arranged		Puchstein
736	4 to 5	To be arranged		All instructors
740	3	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 9	R. L. 271 R. L. 271	Puchstein Puchstein
745	4	M., 11 to 5 W., 11 to 5 F., 10 to 4		Brown
750		To be arranged		Caldwell
751		To be arranged		Puchstein
755		To be arranged		Caldwell
756		To be arranged		Puchstein
762		To be arranged		All Instructors
767		To be arranged		All Instructors
770	3	To be arranged		Puchstein
803		To be arranged		All Instructors
807		To be arranged		All Instructors
813		To be arranged		All Instructors

ENGINEERING DRAWING

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	4	L., F., at 9	Br. 203	All Instructors
		Lab., M., Tu., W., Th., 8 to 10		
		L., S., at 9	Br. 203	
		Lab., M., W., F., S., 10 to 12		
		L., F., at 1	Br. 109	
		Lab., M., Tu., W., Th., 1 to 3		
		L., F., at 3	Br. 203	
		Lab., M., Tu., W., Th., 3 to 5		
403a	3	L., M., W., F., at 8	Br. 200	All Instructors
		Tu., Th., S., at 8	Br. 200	
		M., W., F., at 9	Br. 200	
		M., W., F., at 10	Br. 200	
		M., W., F., at 11	Br. 200	
		M., W., F., at 1	Br. 200	
		M., W., F., at 2	Br. 200	
		M., W., F., at 3	Br. 200	
411	4	L., F., at 10	Br. 203	Field
		Lab., M., Tu., W., Th., 8 to 10		
418	4	L., M., W., at 8	Br. 203	
		Q., F., at 8	Br. 203	
		Lab., S., 8 to 10		
414	2	Lab., M., W., 9 to 12		Paffenbarger
422	3	Tu., at 9; M., Tu., Th., 3 to 5	Br. 200	Williams, Svensen,
		W., at 8; Tu., Th., 10 to 12; Br.		Paffenbarger,
		S., 8 to 10		Dunkle
		Th., at 8; M., Tu., 1 to 3; Br. 203		
		S., 10 to 12		
426	3	Th., at 9; M., Tu., F., 1 to 3	Br. 203	
		F., at 1; Tu., W., Th., 1 to 3	Br. 203	
431	3	L., M., at 1	Br. 203	French
		Lab., M., 2 to 5; W., 1 to 4		
435	5	L., M., at 10	Br. 203	Svensen
		Q., W., at 10	Br. 203	
		Lab., Tu., Th., S., 8 to 11		

WINTER QUARTER

402	4	L., F., at 9	Br. 203	All Instructors
		Lab., M., Tu., W., Th., 8 to 10	Br.	
		L., S., at 9	Br. 203	
		Lab., M., W., F., S., 10 to 12	Br.	
		L., F., at 1	Br. 200	
		Lab., M., Tu., W., Th., 1 to 3	Br.	
		L., F., at 3	Br. 203	
		Lab., M., Tu., W., Th., 3 to 5	Br.	
412	4	L., F., at 10	Br. 203	Field
		Lab., M., Tu., W., Th., 8 to 10		
418	3	To be arranged		
421a	3	L., Tu., at 8	Br. 200	All Instructors
		Lab., M., W., F., 8 to 10		
		L., M., at 8	Br. 200	
		Lab., Tu., Th., S., 8 to 10		

ENGINEERING DRAWING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		L., Tu., at 10	Br. 200	
		Lab., M., W., F., 10 to 12		
		L., Tu., at 1	Br. 200	
		Lab., M., W., F., 1 to 3		
		L., Tu., at 3	Br. 200	
		Lab., M., W., F., 3 to 5		
422	3	M., at 10; Tu., Th., S., 8 to 10	Br. 200	Williams, Svensen, Paffenbarger, Dunkle
		W., at 10; M., Tu., Th., 10 to 12	Br. 200	
		F., at 10; M., Tu., 1 to 3; S., 10 to 12	Br. 200	
432	3	L., M., at 1	Br. 200	French
		Lab., M., 2 to 5; W., 1 to 4		
436	5	L., M., at 10	Br. 203	Svensen
		Q., W., at 10	Br. 203	
		Lab., Tu., Th., S., 8 to 11		

SPRING QUARTER

403	4	L., M., Tu., at 8	Br. 203	All Instructors
		Lab., W., Th., 8 to 10		
		L., M., W., at 10	Br. 203	
		Lab., F., S., 10 to 12		
		L., M., Tu., at 1	Br. 104	
		Lab., W., Th., 1 to 3		
		L., W., Th., at 3	Br. 203	
		Lab., M., Tu., 3 to 5		
404	4	M., Tu., at 8; W., Th., 8 to 10	Br. 200	All Instructors
		M., Tu., at 1; W., Th., 1 to 3	Br. 200	
413	4	L., M., W., at 1	Br. 203	
		Q., F., at 1	Br. 203	
		Lab., F., 2 to 5		
419	4	To be arranged	Br.	
421	3	L., Tu., at 8	Br. 104	All Instructors
		Lab., M., W., F., 8 to 10		
		L., M., at 8	Br.	
		Lab., Tu., Th., S., 8 to 10		
		L., Tu., at 10	Br. 203	
		Lab., M., W., F., 10 to 12		
		L., Tu., at 1	Br. 203	
		Lab., M., W., F., 1 to 3		
		L., Tu., at 3	Br. 203	
		Lab., M., W., F., 3 to 5		
426	3	L., M., at 10	Br. 200	Williams, Svensen, Paffenbarger, Dunkle
		Lab., W., Th., F., 1 to 3		
429	3	L., W., at 10	Br. 200	
		Lab., M., 10 to 12; Tu., W., 8 to 10		Turnbull
433	3	L., M., at 1	Br.	French
		Lab., M., 2 to 5; W., 1 to 4		
439	3	To be arranged	Br.	Turnbull

ENGLISH

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 303	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 8		Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 102	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9		Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 9		Raymond
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 106	Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 102	Mrs. Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 104	Shively
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 302	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 303	Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 302	Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Cam. 321	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 303	Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 104	Miller
		M., Tu., W., Th., F., at 1		Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 302	Hibbitt
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 303	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 204	Robinson
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 304	Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 303	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Cam. 302	French
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Cam. 321	Craig
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Sniffen
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Cam. 321	Craig
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 204	Graves
410	3	M., W., F., at 9		Ross
		M., W., F., at 9	Ph. 303	
		M., W., F., at 10		Ross
		M., W., F., at 10		
		M., W., F., at 1	Lo. 125	Harbarger
		M., W., F., at 1	Ph. 204	
		M., W., F., at 2	Lo. 125	Harbarger
		M., W., F., at 2	Ph. 304	Ross
419	3	M., W., F., at 11	Lo. 125	Harbarger
433	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 204	Graves
		M., Tu., W., Th., F., at 9		Sniffen
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 204	Robinson
441	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 302	Taylor
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 104	Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 102	Mrs. Percival
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 104	Miller
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 302	Hibbitt
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 104	Shively
446	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Raymond
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Cam. 302	French
636	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 102	Percival
651	3	M., W., F., at 1	Ph. 303	Bloomfield
654	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 102	McKnight
655	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 302	Taylor
667	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 102	Denney
681	3	M., W., F., at 3	Ph. 102	Denney

ENGLISH—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
801	2	M., 4 to 6	L. 307	Graves
805	2	Tu., 4 to 6	L. 307	Denney
808	2	W., at 4	L. 307	Taylor
810	3	M., W., F., at 9	L. 307	McKnight
812	3	Th., 3 to 5	L. 307	McKnight
818	2	F., at 4	L. 307	Percival

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 303	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph.	Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 102	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Cam. 321	Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 9		Raymund
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 106	Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 102	Mrs. Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 104	Shively
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 302	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 303	Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 302	Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Cam. 321	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 303	Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 104	Miller
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 304	Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 302	Hibbitt
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 303	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 2		Robinson
		M., Tu., W., Th., F., at 3		Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 303	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Cam. 302	French
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		Beck
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Sniffen
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Cam. 321	Craig
411	3	M., W., F., at 8	Ph. 204	Ross
		M., W., F., at 8	Cam. 321	
		M., W., F., at 9	Ph. 204	Ross
		M., W., F., at 10		
		M., W., F., at 1	Lo. 125	Harbarger
		M., W., F., at 1	Ph. 303	
		M., W., F., at 2	Lo. 125	Harbarger
		M., W., F., at 3	Ph. 104	Ross
				Harbarger
419	3	M., W., F., at 8		Harbarger
427	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 102	McKnight
433	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Beck
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 104	Miller
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 302	Robinson
441	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 303	
		M., Tu., W., Th., F., at 10		
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 102	Percival
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 302	Taylor
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 102	Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 11		Hibbitt

ENGLISH—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
446	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Raymund
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Cam. 218	Sniffen
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 104	Shively
643	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 204	Andrews
658	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 102	McKnight
656	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 302	Taylor
657	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 204	Graves
659	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 204	Andrews
670	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 204	Andrews
802	2	M., 4 to 6	L. 104	Graves
808	2	W., 4 to 6	L. 104	Taylor
813	3	Th., at 3	L. 105	McKnight
820	2 to 5	Tu., 4 to 6	L. 104	Denney

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 303	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 8		Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Cam. 302	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 104	Harlor
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Cam. 321	Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 9		Raymund
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 106	Hitchcock
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 102	Mrs. Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Beck
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 104	Shively
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 302	Grismer
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Wilson
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 303	Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 10		Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 302	Selby
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Cam. 321	Burnet
		M., Tu., W., Th., F., at 11		Dollinger
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 104	Miller
		M., Tu., W., Th., F., at 1		Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 303	Hibbitt
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 302	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 2		Robinson
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 303	Fife
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 302	Harrold
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Cam. 302	French
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		Beck
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 204	Graves
412	3	M., W., F., at 8	Ph. 302	Ross
		M., W., F., at 8	Ph. 102	
		M., W., F., at 9	Ph. 303	Ross
		M., W., F., at 10		
		M., W., F., at 1	Lo. 125	Harbarger
		M., W., F., at 1	Ph. 302	
		M., W., F., at 2	Lo. 125	Harbarger
419	3	M., W., F., at 3	Ph. 104	Ross
		M., W., F., at 8		Harbarger
		M., W., F., at 11	Lo. 125	
427	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 206	McKnight
429	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 303	Burnet

ENGLISH—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
483	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 302	Taylor
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 304	Robinson
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 102	Mrs. Percival
441	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 302	Taylor
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 204	Andrews
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 102	Percival
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 102	Percival
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 204	Andrews
446	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Raymund
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Ph. 104	Shively
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 104	Miller
653	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 204	Graves
668	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 102	Denney
672	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 204	Denney
802	2	M., 4 to 6	L. 104	Graves
806	2	Tu., 4 to 6	L. 104	Denney
807	2	W., 4 to 6	L. 104	Taylor
809	3	M., W., F., at 9	L. 105	McKnight
815	2	Th., 4 to 6	L. 104	Andrews
818	2	F., 4 to 6	L. 105	Percival
821	2 to 5	Th., 3 to 5	L. 105	McKnight

EUROPEAN HISTORY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 301	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 301	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 302	Rezneck
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 302	Rezneck
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 302	Noyes
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 303	Knipfing
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 302	Washburne
601	3	M., W., F., at 9	U. 303	Washburne
604	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 303	Siebert
608	3	M., W., F., at 10	U. 303	Siebert
611	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 303	Stuckert
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		McNeal
627	3	M., W., F., at 11	U. 302	Noyes
645	3	M., W., F., at 9		Stuckert
802	2 to 5	To be arranged		Siebert, McNeal

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 301	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 301	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 302	

EUROPEAN HISTORY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 303	Noyes
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 303	Knipfing
408	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 303	Washburne
602	3	M., W., F., at 9	U. 303	Washburne
605	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 303	Siebert
609	3	M., W., F., at 10		Siebert
612	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 303	Stuckert
628	3	M., W., F., at 11	U. 302	Noyes
646	3	Tu., Th., 8 to 4:30	U. 303	McNeal
808	2 to 5	To be arranged		Siebert, McNeal

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 301	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 301	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 301	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 302	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 302	Washburne
409	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 303	
410	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 303	
505	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 303	
615	3	M., W., F., at 11	U. 303	Siebert
681	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 303	McNeal
647	3	M., W., F., at 9	U. 303	Siebert
804	2 to 5	To be arranged		Siebert, McNeal

FARM CROPS

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 1	H. F. 108	Willard
		Lab., F., 1 to 3	H. F.	
		F., 8 to 10	H. F.	
		Th., 8 to 10	H. F.	
601	3	L., Tu., Th., at 8	H. F. 108	Park, Willard, Borst
		Lab., W., 8 to 10		
604	3 to 5	To be arranged	H. F.	Park, Willard
801	5 to 10	To be arranged	H. F.	
802	1	M., at 4	H. F. 108	

WINTER QUARTER

402	5	L., M., W., F., at 1	H. F. 108	Park
		Lab., Tu., Th., 1 to 3	H. F.	
604	3 to 5	To be arranged	H. F.	Park, Willard
801	5 to 10	To be arranged	H. F.	
802	1	M., at 4	H. F. 108	

SPRING QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 8	H. F. 108	Willard
		Lab., F., 8 to 10	H. F.	
		F., 1 to 3	H. F.	
		Th., 10 to 12	H. F.	

FARM CROPS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
403	5	L., M., W., F., at 1 Lab., Tu., Th., 1 to 3	H. F. 108 H. F.	Park
602	5	L., M., Tu., Th., F., at 10 Lab., W., 10 to 12	H. F. 108 H. F.	Park
603	3	L., Tu., Th., at 9 Lab., S., Field trips	H. F. 108	Willard
604	3 to 5	To be arranged	H. F.	Park, Willard
801	5 to 10	To be arranged	H. F.	Park, Willard
802	1	M., at 4	H. F. 108	

FINE ARTS

AUTUMN QUARTER

421	5	M., Tu., W., Th., F., 8 to 10 M., Tu., W., Th., F., 1 to 3 M., Tu., W., Th., F., 1 to 3	Ha. Ha. Ha.	Richardson Mackenzie Rannells
423	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Robinson, Saville
424	5	M., Tu., W., 1 to 4	Ha.	Kelley
425	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
426	5	L., Tu., Th., at 10 Lab., M., W., F., 10 to 12	Ha. 204 Ha.	Robinson Knauber, Richardson
431	5	L., Tu., Th., at 8 Lab., M., W., F., 8 to 10	Ha. 204 Ha.	Fanning Fanning
432	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Fanning
436	3	L., M., W., at 8 Lab., F., 8 to 10	Ha. 204 Ha.	Knauber Knauber
441	5	M., Tu., W., 1 to 4	Ha.	Knauber
442	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
443	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
451	5	M., F., at 9	Ha. 204	Mackenzie
461	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Saville
471	5	To be arranged		Robinson
475	1	W., at 4	Cam. 200	Fanning
657	5	To be arranged		Mackenzie

WINTER QUARTER

421	5	M., Tu., W., Th., F., 1 to 3 M., Tu., W., Th., F., 8 to 10	Ha. Ha.	Mackenzie Richardson
422	5	L., Tu., Th., at 10 Lab., M., W., F., 10 to 12	Ha.	Fanning, Rannells
423	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Knauber, Saville
424	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Kelley
425	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Kelley
426	5	L., Tu., Th., at 10 Lab., M., W., F., 10 to 12	Ha. 204 Ha.	Robinson Knauber, Richardson
432	5	M., W., F., 8 to 11	Ha.	Fanning
434	5	To be arranged		Fanning
435	5	M., W., 1 to 4; Th., 8 to 11	Ha.	Fanning
436	3	L., M., W., at 8 Lab., F., 8 to 10	Ha. 204 Ha. 204	Knauber Knauber
443	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
452	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha.	Mackenzie
455	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 204	Robinson

FINE ARTS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
461	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Saville
462	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Saville
475	1	W., at 4	Cam. 200	Fanning
656	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 204	Kelley
658	5	To be arranged		Mackenzie
SPRING QUARTER				
421	5	M., Tu., W., Th., F., 8 to 10	Ha.	Richardson
		M., Tu., W., Th., F., 1 to 3	Ha.	Mackenzie
423	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Robinson, Saville
424	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
425	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Kelley
426	5	Tu., Th., at 10	Ha. 204	Robinson
		Lab., M., W., F., 10 to 12	Ha.	Knauber, Richardson
431	5	L., Tu., Th., at 8	Ha. 204	Fanning
		Lab., M. W., F., 8 to 10	Ha.	Fanning
433	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Fanning
434	5	To be arranged		Fanning
436	3	L., M., W., at 9	Ha.	Knauber
		Lab., F., 10 to 12	Ha.	Knauber
441	5	M., W., F., 1 to 4	Ha.	Knauber
442	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Kelley
443	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Kelley
453	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 204	Mackenzie
454	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ha. 204	Robinson
461	5	M., W. F., 9 to 12	Ha.	Saville
462	5	M., W., F., 9 to 12	Ha.	Saville
475	1	Th., at 4	Cam. 200	Kelley
659	5	To be arranged		Mackenzie

GEOLOGY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., Th., F., at 8	O. 105	Bownocker Peattie,
		M., Tu., Th., F., at 9	O. 105	Webb, Stockdale,
		M., Tu., Th., F., at 1	O. 105	and department
		M., Tu., Th., F., at 2	O. 105	assistants
		Lab., W., 8 to 10	O. 5, 7	
		W., 10 to 12	O. 5, 7	
		W., 1 to 3	O. 5, 7	
		W., 3 to 5	O. 5, 7	
403	5	M., Tu., Th., F., at 11	O. 14	Webb
		Lab., Tu., 3 to 5	O. 7	
405	5	M., Tu., Th., F., at 11	O.	
408	3	To be arranged	O.	Carman, Morningstar
421	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 1	Peattie
430	5	M., Tu., W., F., at 8	O. 1	Stockdale
		M., Tu., W., F., at 9	O. 1	Morningstar
		Lab., Tu., 1 to 3	O. 5	
		Th., 8 to 10	O. 5	
		Th., 10 to 12	O. 5	
		Th., 3 to 5	O. 5	
601	3 or 4	To be arranged	O.	Carman, Morningstar

GEOLOGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
605	3	M., W., F., at 8	O.	Bownocker
611	3 to 5	To be arranged		Carman, Webb
612	3 to 5	To be arranged	O.	Bownocker, Carman, Peattie, Webb
801	3	To be arranged	O.	Carman
804	3 to 5	To be arranged	O.	Bownocker, Carman, Morningstar, Webb, Peattie

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., at 9	O. 1	Bownocker, Peattie, Webb, Stockdale, and department assistants
		M., Tu., W., Th., at 1	O. 1	
		Lab., F., 8 to 10	O. 7	
		F., 10 to 12	O. 7	
		F., 1 to 3	O. 7	
		F., 3 to 5	O. 7	
402	5	M., Tu., Th., F., at 8	O. 105	Bownocker, Peattie, Webb, Stockdale, and department assistants
		M., Tu., Th., F., at 9	O. 105	
		M., Tu., Th., F., at 1	O. 105	
		M., Tu., Th., F., at 2	O. 105	
		Lab., W., 8 to 10	O. 5, 7	
		W., 10 to 12	O. 5, 7	
		W., 1 to 3	O. 5, 7	
		W., 3 to 5	O. 5, 7	
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 105	
409	3	To be arranged		Carman, Morningstar
422	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 1	Peattie
430	5	M., Tu., W., F., at 8	O. 1	Stockdale,
		Lab., Th., 8 to 10	O. 5	Morningstar
435	5	L., M., Tu., Th., F., at 9	O. 11	
		M., Tu., Th., F., at 11	O. 105	Lamborn
		Lab., Tu., 3 to 5	O. 5	
		Th., 1 to 3	O. 5	
602	3 or 4	To be arranged	O.	Carman, Morningstar
604	5	To be arranged	O.	Webb
606	3	M., W. F., at 8	O. 11	Bownocker
611	3 to 5	To be arranged	O.	Carman, Webb, Stockdale
612	3 to 5	To be arranged	O.	Bownocker, Carman, Peattie, Webb
802	3	To be arranged	O.	Carman
805	3 to 5	To be arranged	O.	Bownocker, Carman, Webb, Peattie, Morningstar

SPRING QUARTER

402	5	M., Tu., W., Th., at 9	O. 105	
		M., Tu., W., Th., at 1	O. 105	
		Lab., F., 8 to 10	O. 7	
		F., 10 to 12	O. 7	
		F., 1 to 3	O. 7	
		F., 3 to 5	O. 7	
404	5	M., Tu., W., Th., at 11	O. 105	Webb
		Lab., Tu., 1 to 3	O. 7	

GEOLOGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
407	5	M., Tu., W., Th., at 10	O. 105	Carman
		Lab., F., 10 to 12	O. 5	
410	3	To be arranged	O.	Carman, Morningstar
420	5	Tu., W., Th., F., at 8; M., 3 to 5	O. 7	Peattie
424	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 1	Peattie
430	5	M., Tu., W., F., at 8	O. 1	Stockdale,
		M., Tu., W., F., at 9	O. 1	Morningstar
		Lab., Th., 8 to 10	O. 5	
		Th., 10 to 12	O. 5	
		M., 3 to 5	O. 5	
		Tu., 3 to 5	O. 5	
436	5	M., W., Th., F., at 1	O. 1	Bownocker
		Lab., W., to 5	O. 5	
		Tu., 1 to 3	O. 5	
603	3 or 4	To be arranged	O.	Carman, Morningstar
611	3 to 5	To be arranged	O.	Carman, Webb, Stockdale
612	3 to 5	To be arranged	O.	Bownocker, Car-
803	3	To be arranged		man, Peattie,
806	3 to 5	To be arranged		Webb

GERMAN

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 320	Bloomfield
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 320	Evans
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 320	Thomas
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 320	Evans
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 319	Eisenlohr
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 320	Thomas
431	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 319	Eisenlohr
612	3	M., W., F., at 11	U. 319	Evans
655	3	M., W., F., at 9		Bloomfield
665	3	M., W., F., at 4	U. 319	Evans
695		To be arranged	U.	Evans, Eisenlohr Bloomfield, Thomas

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Bloomfield
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 320	Bloomfield
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 320	Evans
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 320	Thomas
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 320	Evans
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 12	U. 320	Thomas
421	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 319	Thomas
641	3	M., W., F., at 11	U. 319	Evans
685	3	M., W., F., at 9	U. 319	Bloomfield
695	3	To be arranged		Evans, Bloomfield, Thomas

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 320	Evans
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Bloomfield
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 320	Bloomfield
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 320	Thomas

GERMAN—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 320	Thomas
411	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 319	Evans
631	3	M., W., F., at 11	U. 319	Thomas
675	3	M., W., F., at 9	U. 320	Bloomfield
695	3	To be arranged		Evans, Bloomfield, Thomas

GREEK

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 306	Bolling
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 306	Bolling
650	3	M., W., F., at 1	U. 306	Bolling

WINTER QUARTER

402	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 306	Bolling
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 306	Bolling
651	3	M., W., F., at 1	U. 306	Bolling

SPRING QUARTER

403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 306	Bolling
601	3 to 5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 306	Bolling
652	3	M., W., F., at 1	U. 306	Bolling
701	3	To be arranged		Bolling

HISTORY AND PHILOSOPHY OF EDUCATION

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 201	Eckelberry
404	3	M., W., F., at 10	Ha. 201	Anderson
		M., W., F., at 4	Ha. 201	Anderson
501	2	M., W., at 9	Ha. 201	Anderson
503	2	M., W., at 3		Anderson
607	2	Tu., Th., at 2	Ha. 201	Anderson
608	2	Tu., Th., at 3	Ha. 201	Anderson
801	2	Tu., 4 to 6	L. 309	Anderson

WINTER QUARTER

404	3	M., W., F., at 11	Ha. 201	Anderson
405	3	M., W., F., at 10	Ha. 201	Anderson
		M., W., F., at 4	Ha. 201	Anderson
602	2	M., W., at 9	Ha. 201	Anderson
604	2	M., W., at 3	Ha. 201	Anderson
605	2	Tu., Th., at 3	Ha. 201	Anderson
802	2	Tu., 4 to 6	L. 309	Anderson

SPRING QUARTER

403	3	M., W., F., at 11	Ha. 201	
404	3	M., W., F., at 10	Ha. 201	Anderson
405	3	M., W., F., at 4	Ha. 201	Anderson
601	2	M., W., at 9	Ha. 201	Anderson
606	2	Tu., Th., at 3	Ha. 201	Anderson
609	2	M., W., at 3	Ha. 201	Anderson
803	1	Tu., at 4	L. 309	Anderson

HOME ECONOMICS

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., Tu., Th., at 8	Cam. 218	Walker
		Tu., Th., at 1	Cam. 218	Walker
		Lab., M., W., F., 8 to 10		Walker, Hansen
		Tu., Th., S., 8 to 10		Hansen
		M., W., F., 1 to 3		Hansen
403	5	Lab., Tu., Th., S., 9 to 12	Cam. 218	McGill
		M., W., F., 1 to 4	Cam. 218	McGill
411	5	Lab., M., W., F., 9 to 12	Cam. 302	McGuire
		Tu., Th., S., 8 to 11	Cam. 302	Steiger, Bazore
		M., W., F., 1 to 4	Cam. 302	McGuire
413	5	Lab., M., W., F., 9 to 12	Cam. 203	Bazore
512	5	L., M., W., F., at 10	Cam. 218	Hansen
		Lab., Tu., Th., 10 to 12	Cam. 218	Hansen
611	5	Lab., M., W., F., 9 to 12	Cam. 218	Shelow
		M., W., F., 1 to 4	Cam. 203	Shelow, Steiger
617	5	L., M., Tu., Th., F., at 11	Cam. 218	Walker
		Lab., to be arranged		
625	3 to 5	To be arranged		Lanman, Walker, Adams, Shelow
631	5	L., Tu., Th., at 8		Findley
		Lab., Tu., Th., 9 to 12		Findley
641	5	L., M., W., F., at 10	Cam. 203	Adams
		Observation hours to be arranged		
642	5	L., M., W., F., at 8	Cam. 218	Adams
		Practice hours to be arranged		

WINTER QUARTER

401	5	L., Tu., Th., at 8	Cam. 218	Walker
		Lab., M., W., F., 8 to 10		Walker, McGill, Hansen
402	5	L., Tu., Th., at 10	Cam. 203	Walker
		Tu., Th., at 1	Cam. 218	Walker
		Lab., Tu., Th., S., 8 to 10		Donnelly
		M., W., F., 1 to 3		Walker, McGill, Hansen
403	5	Tu., Th., S., 8 to 11	Cam. 203	McGill
412	5	M., W., F., 9 to 12	Cam. 302	McGuire
		Tu., Th., S., 8 to 11	Cam. 302	Bazore
		M., W., F., 1 to 4	Cam. 302	McGuire, Bazore
415	3	M., W., F., at 10	Cam. 203	Walker, Shelow
501	5	M., W., F., 1 to 4		Donnelly
502	3	M., W., F., 8 to 10		Donnelly
511	3	M., W., F., at 8	Cam. 218	Lanman
512	5	L., M., W., F., at 10	Cam. 321	Hansen
		Lab., Tu., Th., 10 to 12	Cam. 321	Hansen
611	5	M., W., F., 9 to 12	Cam. 203	Shelow, Steiger
		M., W., F., 1 to 4	Cam. 203	Shelow, Steiger
617	5	L., M., Tu., Th., F., at 11	Cam. 218	Walker
		Lab., to be arranged		
625	3 to 5	To be arranged		Lanman, Walker, Adams, Shelow
631	5	L., Tu., Th., at 8		Findley
		Lab., Tu., Th., 9 to 12		

HOME ECONOMICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
632	5	L., Tu., Th., at 1 Lab., Tu., Th., 2 to 5		Findley
633	3	M., W., F., 9 to 11		Findley
SPRING QUARTER				
402	5	L., Tu., Th., at 9 Tu., Th., at 2 Lab., M., W., F., 8 to 10 M., W., F., 1 to 3	Cam. 218 Cam. 218	Walker Walker Walker, Hansen Donnelly, Hansen
403	5	Tu., Th., S., 8 to 11 M., W., F., 1 to 4	Cam. 321 Cam. 218	McGill McGill
411	5	M., W., F., 9 to 12	Cam. 302	McGuire
412	5	M., W., F., 1 to 4	Cam. 302	McGuire
413	5	M., W., F., 9 to 12 Tu., Th., S., 9 to 12	Cam. 203 Cam. 203	Steiger, Bazore Steiger, Bazore
501	5	M., W., F., 9 to 12		Donnelly
511	3	M., W., F., at 8	Cam. 218	Lanman
512	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 10 to 12	Cam. 218 Cam. 218	Hansen Hansen
521	5	L., M., W., F., at 11 Lab., Tu., Th., 10 to 12	Cam. 218 Cam. 218	Lanman, Walker, Shelow, Adams
612	5	M., W., F., 1 to 4	Cam. 203	Shelow
617	5	L., M., Tu., Th., F., at 3 Lab., to be arranged	Cam. 218	Walker
625	3 to 5	To be arranged		Lanman, Walker, Adams, Shelow
632	5	L., Tu., Th., at 1 Lab., Tu., Th., 2 to 5		Findley Findley
641	5	L., M., W., F., at 10 Observation hours to be arranged	Cam. 203	Adams
642	5	L., M., W., F., at 8 Practice hours to be arranged	Cam. 203	Adams

HORTICULTURE

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., Tu., Th., F., at 9 Lab., Tu., 1 to 3 Th., 1 to 3	H. F. 113	Charles
423	3	L., Tu., at 10 Lab., S., 8 to 12	H. F. 113	Montgomery
442	5	L., M., W., Th., F., at 8 Lab., M., 1 to 4	H. F. 202	Hottes
444	5	L., M., W., Th., F., at 10 Lab., W., 1 to 4	H. F. 202	Hottes
451	5	L., M., Tu., Th., F., at 8 Lab., M., 1 to 4	H. F. 109	Scherer
455	5	M., Tu., Th., F., at 9 Quiz to be arranged	H. F. 109	Scherer
464	3	Lab., M., 10 to 1; Tu., 10 to 1; W., 1 to 4	H. F.	Elwood
468	3	L., Tu., at 9 Lab., Tu., 1 to 4	H. F. 201 H. F.	Elwood Elwood
471	3	Lab., M., 1 to 4; W., 10 to 1; F., 10 to 1	H. F. 201 H. F.	Elwood

HORTICULTURE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
476	3	M., W., F., at 9	H. F. 112	Elwood
601	3	M., Th., F., at 11	H. F. 202	Hottes
602	3	L., W., at 10	H. F. 113	Paddock
		Lab., to be arranged		
604	5	L., M., Tu., Th., F., at 10	H. F. 112	Paddock
		Lab., W., 2 to 4		
621	5	L., M., Tu., Th., at 9	H. F. 108	Montgomery
		Lab., Th., 1 to 5		
643	3	To be arranged		Hottes
801	5 to 10	To be arranged		Paddock, Mont- gomery, Hottes

WINTER QUARTER

403	5	L., M., Tu., Th., F., at 9	H. F. 113	Paddock
		Lab., M., 1 to 3	H. F.	Charles
405	5	L., M., Tu., Th., F., at 10	H. F. 113	Paddock, Mont- gomery
		Lab., M., 2 to 4	H. F.	Charles
		W., 2 to 4	H. F.	
		L., M., Tu., Th., F., at 2	H. F. 113	
		Lab., Tu., 8 to 10	H. F.	
		Th., 8 to 10	H. F.	
421	5	L., M., Tu., Th., F., at 8	H. F. 112	Montgomery
		Lab., Tu., 2 to 5	H. F.	
424	3	L., M., at 9		Montgomery
		Lab., Th., 1 to 5	H. F.	
441	3	L., M., W., at 9	H. F. 202	Hottes
		Lab., Th., 1 to 3	H. F.	
443	5	L., M., Tu., Th., F., at 8	H. F. 202	Hottes
		Lab., M., 1 to 4	H. F.	
452	5	L., M., Tu., Th., F., at 9	H. F. 109	Scherer
		Lab., Tu., 1 to 4	H. F.	
454	5	L., M., Tu., Th., F., at 8	H. F. 109	Scherer
		Lab., M., 1 to 4	H. F.	
461	3	M., Th., F., at 9	H. F. 112	Elwood
462	5	L., Tu., at 9	H. F. 201	Elwood
		Lab., W., 10 to 1; Th., 10 to 4	H. F.	
465	3	M., Tu., 10 to 1; W., 1 to 4		Elwood
469	3	L., W., at 9	H. F. 201	Elwood
		Lab., Tu., 1 to 5		
477	3	Lab., M., 1 to 4; F., 10 to 4		Elwood
603	3	L., W., at 10	H. F. 113	Paddock
		Lab., to be arranged		
605	5	L., M., Tu., Th., F., at 11	H. F. 113	Paddock
		Lab., W., 2 to 4		
644	3	To be arranged		Hottes
801	5 to 10	To be arranged	H. F.	Paddock, Montgom- ery, Hottes

SPRING QUARTER

402	5	L., M., Tu., Th., F., at 9	H. F. 113	Charles
		Lab., Tu., 1 to 3	H. F.	
		Th., 1 to 3	H. F.	
404	5	L., M., Tu., Th., F., at 11	H. F. 113	Charles
		Lab., M., 1 to 3	H. F.	

HORTICULTURE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
405	5	L., M., Tu., Th., F., at 10 Lab., M., 2 to 4 W., 2 to 4 L., M., Tu., Th., F., at 2 Lab., Tu., 8 to 10 Tu., 8 to 10	H. F. 113 H. F. H. F. H. F. 113 H. F. H. F.	Montgomery, Charles
422	5	L., M., Tu., Th., F., at 8 Lab., Tu., 2 to 5	H. F. 113 H. F.	Montgomery
445	5	L., M., W., Th., F., at 10 Lab., Th., 1 to 4	H. F. 202 H. F.	Hottes
446	3	L., M., W., at 8 Lab., M., 1 to 3	H. F. 202 H. F.	Hottes
447	3	L., M., W., at 9 Lab., W., 1 to 3	H. F. 202 H. F.	Hottes
451	5	L., M., Tu., Th., F., at 11 Lab., M., 1 to 4	H. F. 202 H. F.	Scherer
453	5	L., M., Tu., Th., F., at 9 Lab., Tu., 1 to 4	H. F. 112 H. F.	Scherer
457	5	L., M., Tu., Th., F., at 8 M., Tu., Th., F., at 10 Lab., to be arranged	H. F. 112 H. F. 112 H. F. 112	Scherer
466	5	Lab., M., Tu., 9 to 12; W., 1 to 4	H. F.	Elwood
470	3	L., W., at 9 Lab., Tu., 1 to 5	H. F. 201 H. F.	Elwood
472	3	Lab., M., 1 to 4; W., 11 to 1; Th., 9 to 12	H. F.	
475	5	W., at 10 Lab., to be arranged	H. F. 201 H. F.	Elwood
645	3	To be arranged		Hottes
801	5 to 10	To be arranged		Paddock, Montgom- ery, Hottes

INDUSTRIAL EDUCATION

AUTUMN QUARTER

401	5	Tu., Th., S., 8 to 11	S.	Smith
501	5	M., W., F., 1 to 4	S.	Smith
503	5	Tu., Th., S., 8 to 11	S.	
507	3	Tu., Th., 1 to 4 M., W., 9 to 12	S. S.	Usry Smith
508	3	Tu., Th., 1 to 4 M., W., 9 to 12	S. S.	Usry Smith
521	3	L., M., at 1 Lab., M., 2 to 4; W., 1 to 4	S. S.	Usry
524	3	M., W., F., at 10	S.	Usry

WINTER QUARTER

502	5	M., W., F., 1 to 4	S.	Smith
503	5	Tu., Th., S., 8 to 11	S.	Smith
507	3	Tu., Th., 1 to 4 M., W., 9 to 12	S. S.	Usry Smith
508	3	Tu., Th., 1 to 4 M., W., 9 to 12	S. S.	Usry Smith
509	3	To be arranged	S.	Usry

INDUSTRIAL EDUCATION—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
510	3	To be arranged	S.	Usry
522	3	L., M., at 1	S.	
		Lab., M., 2 to 4; W., 1 to 4	S.	Usry
525	3	To be arranged	S.	Smith
526	3	To be arranged	S.	Usry

SPRING QUARTER

401	5	M., W., F., 1 to 4	S.	Smith
503	5	Tu., Th., S., 8 to 11	S.	Smith
504	5	Tu., Th., S., 8 to 11	S.	Smith
505	3	To be arranged	S.	Usry
506	3	To be arranged	S.	Usry
507	3	Tu., Th., 1 to 4	S.	Usry
		M., W., 9 to 12	S.	Smith
508	3	Tu., Th., 1 to 4	S.	Usry
		M., W., 9 to 12	S.	Smith
528	3	M., W., F., at 10	S.	Usry

JOURNALISM

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 11	S. 208	Myers
		M., W., F., at 1	S. 208	Getzloe
		Lab., to be arranged		
402	5	L., Tu., Th., S., at 9	S. 208	Getzloe
		Lab., to be arranged		
407	3	M., W., F., at 10	S. 208	Getzloe
413	3	M., W., F., at 9	S. 208	Getzloe
501	3	L., Tu., Th., at 9	S. 201	Myers
		Lab., to be arranged		
514	3	M., W., F., at 9	S. 201	Myers
517	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	S. 208	Hooper
525	3	M., W., F., at 11	S. 201	Hooper
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	S. 201	Hooper

WINTER QUARTER

401	5	L., Tu., Th., S., at 9	S. 208	Getzloe
		Lab., to be arranged		
402	5	L., M., W., F., at 11	S. 208	Myers
		M., W., F., at 1	S. 208	Getzloe
		Lab., to be arranged		
408	3	M., W., F., at 10	S. 208	Getzloe
414	3	M., W., F., at 9	S. 208	Getzloe
502	3	L., Tu., Th., at 9	S. 201	Myers
		Lab., to be arranged		
513	3	M., W., F., at 9	S. 201	Myers
518	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	S. 208	Hooper
526	3	M., W., F., at 11	S. 201	Hooper
507	3	L., Tu., Th., at 1	S. 208	Myers
		Lab., to be arranged		
622	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	S. 201	Hooper

JOURNALISM—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 9 Lab., to be arranged	S. 208	Getzloe
402	5	L., Tu., Th., S., at 9 Lab., to be arranged	S. 208	Getzloe
407	3	M., W., F., at 10	S. 208	Getzloe
413	3	M., W., F., at 11	S. 208	Getzloe
501	3	L., Tu., Th., at 9 Lab., to be arranged	S. 201	Myers
514	3	M., W., F., at 11	S. 201	Myers
517	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	S. 208	Hooper
525	3	M., W., F., at 9	S. 201	Hooper
603	3	L., Tu., Th., at 10 Lab., to be arranged	S. 208	Myers

LATIN

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 316	Smith
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 316	Smith
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 316	Hodgman
	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 316	Elden
601	3	M., W., F., at 2	U. 316	Elden
604	3	M., W., F., at 2	U. 306	Smith
605	3	Tu., Th., S., at 10	U.	Smith
606	3	M., W., F., at 3	U. 306	Elden
609	3	M., W., F., at 4	U. 316	Hodgman
612	3	Tu., Th., S., at 11	U. 316	Hodgman
617	3	M., W., F., at 10	U.	Hodgman

WINTER QUARTER

402	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 316	Smith
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 316	Smith
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 316	Hodgman
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 316	Elden
602	3	M., W., F., at 3	U. 306	Elden
607	3	M., W., F., at 4	U. 316	Elden
610	3	M., W., F., at 10	U.	Hodgman
611	3	M., W., F., at 2	U. 316	Smith
613	3	Tu., Th., S., at 11	U. 316	Hodgman
615	3	M., W., F., at 9	U. 306	Elden

SPRING QUARTER

403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 316	Elden
408	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 316	Hodgman
603	3	M., W., F., at 10	U.	Hodgman
608	3	M., W., F., at 4	U. 316	Elden
614	3	Tu., Th., S., at 11	U. 316	Hodgman
616	3	M., W., F., at 9	U. 306	Elden

MATHEMATICS

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
400	3			
421	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 312	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 310	
424	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 309	Morris
429	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 309	Morris, Kuhn
431	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 312, H. F. 205	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 313	
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U.	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 312, 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 313	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 310	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 312	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 310	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 205	
432	5	M., Tu., W., Th., F., at 12	U. 313	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 12	U. 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 309	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 311	
441	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 310, 308, 313, 311	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 311, 308, 312, 310	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 310, 312, 309, 311	
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 12	U. 311	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 313	
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 309	Morris
611	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 313	Morris
641	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 312	Kuhn
681	3	M., W., F., at 8	U. 310	Arnold
691	5	To be arranged	U.	Morris
861	5	To be arranged		Swartzel

WINTER QUARTER

421	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 310	All Instructors
422	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 310	All Instructors
430	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 309	Morris, Kuhn
431	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 319	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 311	
432	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 312, 313, 308, H. F. 205	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 308, 313, 309, H. F. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 312, 310, 313, 308, 309	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 313, 312, 308, H. F. 205	
433	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 309	All Instructors

MATHEMATICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
441	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 309	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 310	
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 312, 313, 308, H. F. 205	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 313, 308, 309, 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 309, 308, 311, 312	
443	5	M., Tu., W., Th., F., at 3		Rasor
606	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 310	
612	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 312	Bohannon
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 310	Weaver
625	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 311	Bareis
661	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 311	Swartzel
683	3	M., W., F., at 8	U. 310	Arnold
693	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 311	Rietz

SPRING QUARTER

422	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 310	All Instructors
423	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 310	
429	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 309	Morris, Kuhn
432	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 319	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 311	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 311	
433	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 311, 313, 308, H. F. 205	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 312, 308, 313, H. F. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 310, 309, 308, 313, 312	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 312, 313, 308, 309, 311	
435	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 309	Morris
442	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 309	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 310	
443	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 308, 311, 313, 312	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 312, 313, 309, 311, 308	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 308, 311, 313, 309, 312	
603	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 310	Swartzel
685	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 310	Arnold
694	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 312	Rietz
806	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	L. 306	Rasor
841	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	L. 306	Kuhn

MECHANICAL ENGINEERING

AUTUMN QUARTER

505	3	M., W., F., at 1	R. L. 251	Beitler
		M., W., F., at 2	R. L. 251	Beitler
507	4	M., Tu., W., Th., at 2	R. L. 249	Stinson
		M., Tu., W., Th., at 3	R. L. 249	Stinson
512	4	M., W., F., at 8	R. L. 144	Stinson
		M., W., F., at 9	R. L. 144	Stinson

MECHANICAL ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
551	2	Tu., Th., at 8	R. L. 144	Brown
573	5	M., F., at 11	R. L. 249	Judd
		Tu., Th., at 10	R. L. 249	Judd
		Lab., Tu., 11 to 5		Judd, Brown, Wasson
		Th., 11 to 5		Judd, Brown, Wasson
575	3	Tu., 8 to 12	R. L.	Bucher, Jacklin, Beitler
		Th., 8 to 12	R. L.	Bucher, Jacklin, Beitler
591	5	L., M., F., at 10	R. L. 144	Dun
		Lab., Th., 10 to 5		Dun
603	3	M., W., F., at 8	R. L. 251	Marquis
		M., W., F., at 9	R. L. 251	Bucher
		M., W., F., at 11	R. L. 251	Dun
605	3	Tu., Th., S., at 9	R. L. 144	Brown
		Tu., Th., S., at 10	R. L. 144	Brown
625	3	Tu., Th., S., at 9	R. L. 251	Magruder
		Tu., Th., S., at 10	R. L. 251	Magruder
651	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
727	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	R. L. 249	Norman
		M., Tu., W., Th., F., at 9	R. L. 249	Norman
751	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
779	3	M., 10 to 5	R. L.	Marquis, Judd, Jacklin, Wasson
		W., 10 to 5		
		F., 9 to 4		
801	5 to 10	To be arranged		Magruder, Marquis, Norman, Judd
805	2 to 5	To be arranged		Magruder
811	2 to 6	To be arranged		Magruder
815	3 to 5	To be arranged		Marquis

WINTER QUARTER

506	3	M., W., F., at 1	R. L. 251	Beitler
		M., W., F., at 2	R. L. 251	Beitler
522	3	M., 8 to 12	R. L.	Dun, Marvin
		W., 8 to 12	R. L.	Dun, Marvin
		F., 8 to 12	R. L.	Dun, Marvin
572	3	F., at 11; M., 1 to 5	R. L. 144	Brown, Dun
574	3	Tu., at 11; Tu., 1 to 5	R. L. 144	Judd, Wasson, Beitler
		Th., at 11; Th., 1 to 5	R. L. 144	Judd, Wasson, Beitler
576	3	Tu., 8 to 12	R. L.	Brown, Bucher, Wasson
		Th., 8 to 12		Brown, Bucher, Wasson
604	4	M., Tu., Th., F., at 9	R. L. 144	Marquis, Brown
		M., Tu., W., Th., at 9		
		M., W., F., at 10; S., at 9		
		M., W., F., S., at 11	R. L.	Bucher
614	4	M., Tu., Th., F., at 8	R. L. 251	Stinson
		M., Tu., Th., F., at 9	R. L. 251	
		M., Tu., Th., F., at 10	R. L. 251	
616	2	M., W., 1 to 4	R. L.	Stinson
		Tu., Th., 1 to 4		Stinson
		F., 1 to 4; S., 8 to 11		

MECHANICAL ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
652	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
701	3	Tu., Th., S., at 8	R. L. 249	Jacklin
		Tu., Th., S., at 9	R. L. 249	Jacklin
728	5	M., W., F., at 8	R. L. 249.	Norman
		M., W., F., at 9	R. L. 249	Norman
		Lab., M., Tu., 1 to 4		Norman
		W., Th., 1 to 4		Norman
		F., 1 to 4; S., 8 to 11		Stinson
729	3	Tu., Th., S., at 10	R. L. 249	Magruder
742	3	Tu., Th., S., at 10	R. L. 144	Judd
748	3 to 5	F., 10 to 4	R. L.	Magruder, Marquis,
		S., 8 to 12		Norman, Judd,
		To be arranged		Brown
752	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
780	3	M., 10 to 5	R. L.	Marquis, Jacklin,
		W., 10 to 5		Wasson
		F., 9 to 4		
802	5 to 10	To be arranged		Magruder, Marquis,
				Norman, Judd
806	2 to 5	To be arranged		Magruder
812	2 to 6	To be arranged		Magruder
816	3 to 5	To be arranged		Marquis

SPRING QUARTER

403	3	M., W., F., at 11	R. L. 249	Brown
		M., W., F., at 1	R. L. 249	Brown
		M., W., F., at 2	R. L. 251	Brown
		M., W., F., at 3		
509	3	M., W., F., at 1	R. L. 251	Beitler
		M., W., F., at 2	R. L.	Beitler
521	3	Tu., 8 to 12		Stinson
		Th., 8 to 12		Beitler
		S., 8 to 12		Beitler, Wasson,
				Marvin
609	4	M., W., Th., F., at 8	R. L. 144	Marquis
		M., W., F., S., at 9	R. L. 144	Bucher
		M., Tu., Th., S., at 10	R. L. 144	Brown
625	3	Tu., Th., S., at 9	R. L. 251	Magruder
		Tu., Th., at 9; S., at 8		
		Tu., Th., at 10; S., at 8	R. L. 251	Magruder
627	3	M., W., F., at 8	R. L. 251	
		W., F., S., at 10	R. L. 251	
		M., W., S., at 11	R. L. 251	
632		Inspection trip, April 30 to May 5		
636		Reading course		Magruder
653	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
664	3	M., 10 to 5	R. L.	Dun, Marvin
		W., 10 to 5	R. L.	Dun, Marvin
		F., 9 to 4	R. L.	Dun, Wasson,
				Marvin
702	3	Tu., Th., S., at 8	R. L. 249	Jacklin
		Tu., Th., S., at 11	R. L. 249	Jacklin
732		Inspection trip West, April 30 to May 5		Magruder
736		Reading Course		Magruder
742	3	Tu., Th., S., at 8	R. L.	Dun

MECHANICAL ENGINEERING—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
744	5	M., W., F., at 8 Lab., M, Tu., 1 to 4 W., Th., 1 to 4	R. L. 249	Norman Norman Norman
	Chem.	M., W., F., at 9 F., 1 to 4; S., 8 to 11		
746	3	M., W., F., at 9	R. L. 251	Marquis
747	3	Tu., at 11; M., Tu., 1 to 4 To be arranged	R. L. 251	Norman Norman
748	3 to 5	F., 10 to 4 S., 8 to 12 To be arranged		All Instructors
750	4	Tu., Th., at 9 Tu., 1 to 5	R. L. 144	Judd
753	½	F., at 4	R. L. 153	Magruder
781	3	M., 10 to 5 W., 10 to 5	R. L. R. L.	Marquis, Stinson, Wasson Bucher, Jacklin, Wasson
		F., 9 to 4 Th., 10 to 5	R. L. R. L.	Judd, Jacklin, Marquis, Judd,
793	3			Brown, Jacklin
803	5 to 10	To be arranged	R. L.	Magruder, Marquis, Norman, Judd
807	2 to 5	To be arranged	R. L.	Magruder
818	2 to 6	To be arranged	R. L.	Magruder
817	3 to 5	To be arranged	R. L.	Marquis

MECHANICS

AUTUMN QUARTER

601	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3	Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232	Boyd, Coddington, Ott
801	3	To be arranged		Boyd, Coddington

WINTER QUARTER

601	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	L. 208	Boyd, Coddington, Ott
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3	Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232 Lo. 232	Boyd, Coddington, Ott
604	3	M., W., F., at 11	L. 208	Boyd
802	3	To be arranged		Boyd, Coddington

MECHANICS—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Lo.	Boyd, Coddington, Ott
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Lo. 232	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Lo. 232	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Lo.	
For Electrical Engineers, Sophomores only				
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Lo. 232	Boyd, Coddington, Ott
603	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Lo. 232	Boyd, Coddington, Ott
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Lo. 232	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Lo. 208	
		M., Tu., W., Th., F., at 10		
		M., Tu., W., Th., F., at 11	Lo.	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Lo. 208	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Lo. 232	
		M., Tu., W., Th., F., at 3		
803	3	To be arranged		Boyd, Coddington,

METALLURGY

AUTUMN QUARTER

410	3	M., at 1; M., 2 to 5; Tu., 1 to 4	Lo. 208	
		F., at 11; Th., F., 1 to 4	Lo. 107	Mueller
451	3	L., Th., at 8		Lord, Demorest
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
454	4	L., M., at 11		
		Lab., Th., 9 to 12; S., 8 to 11		
601	5	L., M., W., F., at 9		Demorest, Lord
		Lab., Tu., 9 to 12; S., 8 to 11		
620	5	L., M., W., F., at 10	Lo. 208	Mueller
		Lab., W., Th., 1 to 4		
650	2	M., 1 to 5		
651	3	M., W., F., at 8	Lo. 107	Demorest, Lord
		M., W., F., at 10	Lo. 107	Mueller
652	1	W., 1 to 4		Demorest, Lord
		F., 1 to 4		
701	4	W., F., 1 to 5		Demorest, Lord
720	3	L., Tu., Th., at 9	Lo. 107	Mueller
		Lab., Tu., 1 to 4		

WINTER QUARTER

405	5	Tu., Th., at 9	Lo. 208	Demorest, Lord
		Lab., W., Th., 1 to 4		Demorest, Lord
451	3	L., Tu., Th., at 8	Lo. 107	
		Lab., M., Tu., 1 to 4		Demorest, Lord
452	4	L., M., at 11	Lo. 107	
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
454	4	L., Tu., Th., at 11	Lo. 107	Demorest, Lord
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
605	4	L., M., W., F., at 9	Lo. 107	
		Lab., Th., 9 to 12		
620	5	L., M., W., F., at 9		Mueller
		Lab., Th., F., 1 to 4		

METALLURGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
651	3	L., M., W., F., at 10	Lo. 107	Demorest, Lord, Mueller
655	3	L., M., at 11 Lab., M., W., 1 to 4		Demorest, Lord
702	3	W., 1 to 5; Th., 1 to 4		
705	4	L., Tu., Th., at 11 Lab., Tu., 1 to 4; Th., 8 to 10	Lo. 208	Mueller
710	3	Lab., F., 1 to 5; S., 8 to 12		Demorest, Mueller

SPRING QUARTER

406	5	L., Tu., Th., at 8 Lab., W., Th., F., 1 to 4	Lo. 107	Demorest, Lord
410	3	L., M., at 10 Lab., M., Tu., 1 to 4		Mueller
453	4	L., Th., at 8 Lab., M., Tu., 1 to 4		Demorest, Lord
610	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Lo. 125	Mueller
645		Inspection Trip		
665	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		Mueller
706	4	L., Tu., Th., at 11 Lab., Tu., Th., 8 to 11		Demorest
711	5	Th., F., 1 to 5; S., 8 to 12		Demorest, Mueller
725	5	L., M., Tu., W., 1 to 5		Demorest, Mueller

MILITARY SCIENCE AND TACTICS

AUTUMN QUARTER

401	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11	
		M., W., F., at 10; Th., at 11	
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11	
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11	
		M., W., F., at 2; Th., at 11	
		M., W., F., at 3; Th., at 11	
		M., W., F., at 4; Th., at 11	
404	1	M., W., F., at 9	Barracks
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9	
		M., W., F., at 10	
		Tu., Th., S., at 10	
		M., Tu., F., at 11	
		M., W., F., at 2	
		M., W., F., at 3	
		M., W., F., at 4	
421	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11	
		M., W., F., at 10; Th., at 11	
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11	
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11	
		M., W., F., at 2; Th., at 11	
		M., W., F., at 3; Th., at 11	
		M., W., F., at 4; Th., at 11	
424	1	M., W., F., at 9	Barracks
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9	
		M., W., F., at 10	
		Tu., Th., S., at 10	

MILITARY SCIENCE AND TACTICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		M., Tu., F., at 11		
		M., W., F., at 2		
		M., W., F., at 3		
		M., W., F., at 4		
441	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	Infantry Instructors
(Signal Corps)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
444	1	Tu., Th., F., at 2	Barracks	
(Signal Corps)		M., W., F., at 3		
507	3	M., 3 to 5	Barracks	
(Infantry)		Tu., 8 to 10		
		Th., 8 to 10		
510	3	M., 3 to 5	Barracks	
(Infantry)		Th., 8 to 10		
527	3	Tu., W., F., at 11	Barracks	
(Artillery)				
530	3	M., W., F., at 4	Barracks	
(Artillery)				
547	3	M., W., F., at 4	Barracks	
(Signal Corps)				
550	4	To be arranged		
(Signal Corps)				

WINTER QUARTER

402	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
405	1	M., W., F., at 9	Barracks	
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9		
		M., W., F., at 10		
		T., Th., S., at 10		
		M., Tu., F., at 11		
		M., W., F., at 2		
		M., W., F., at 3		
		M., W., F., at 4		
422	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
425	1	M., W., F., at 9	Barracks	
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9		
		M., W., F., at 10		
		Tu., Th., S., at 10		
		M., Tu., F., at 11		

MILITARY SCIENCE AND TACTICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		M., W., F. at 2		
		M., W., F., at 3		
		M., W., F., at 4		
442	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	Infantry Instructors
(Signal Corps)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
445	1	M., W., F., at 10	Barracks	
(Signal Corps)		T., W., Th., at 11		
508	3	M., 3 to 5		
(Infantry)		Tu., 8 to 10		
		Th., 8 to 10		
511	3	M., 3 to 5	Barracks	
(Infantry)		Th., 8 to 10		
528	3	Tu., W., F., at 11	Barracks	
(Artillery)				
531	3	M., W., F., at 4	Barracks	
(Artillery)				
551	3	M., W., F., at 8		
(Signal Corps)		M., W., F., at 9		
SPRING QUARTER				
403	1	M., W., F., at 9; Th., at 11		
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
406	1	M., W., F., at 9	Barracks	
(Infantry)		Tu., Th., S., at 9		
		M., W., F., at 10		
		Tu., Th., S., at 10		
		M., Tu., F., at 11		
		M., W., F., at 2		
		M., W., F., at 3		
		M., W., F., at 4		
423	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
		M., W., F., at 10; Th., at 11		
		Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
		M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
		M., W., F., at 2; Th., at 11		
		M., W., F., at 3; Th., at 11		
		M., W., F., at 4; Th., at 11		
426	1	M., W., F., at 9		
(Artillery)		Tu., Th., S., at 9		
		M., W., F., at 10		
		Tu., Th., S., at 10		
		M., Tu., F., at 11		
		M., W., F., at 2		
		M., W., F., at 3		
		M., W., F., at 4		

MILITARY SCIENCE AND TACTICS—Continued

Course	No.	Hours	Time	Room	Instructor
(Signal Corps)	443	1	M., W., F., at 9; Th., at 11	Barracks	
			Tu., Th., S., at 9; Th., at 11		
			M., W., F., at 10; Th., at 11		
			Tu., Th., S., at 10; Th., at 11		
			M., Tu., F., at 11; Th., at 11		
			M., W., F., at 2; Th., at 11		
			M., W., F., at 3; Th., at 11		
			M., W., F., at 4; Th., at 11		
(Signal Corps)	446	1	M., W., F., at 10	Barracks	
			Tu., W., Th., at 11		
(Infantry)	509	3	M., 3 to 5		
			Tu., 8 to 10		
(Infantry)	512	3	Th., 8 to 10	Barracks	
			M., 3 to 5		
(Artillery)	529	3	Tu., W., F., at 11	Barracks	
			M., W., F., at 4		
(Signal Corps)	549	4	To be arranged	Barracks	
(Signal Corps)	552	3	M., W., F., at 8		
			Substitute for thesis		

MINE ENGINEERING**AUTUMN QUARTER**

401	4	L., Tu., Th., at 8	Lo. 208	Nold, Decker
501	5	Lab., Th., F., 1 to 4		
		L., M., W., F., at 8	Lo. 208	
701	3	Lab., Tu., W., 1 to 4	Lo.	Decker
		L., M., W., F., at 9	Lo. 208	Nold
760	3	L., M., W., F., at 11	Lo. 208	Nold
801	3 to 5	To be arranged		Nold

WINTER QUARTER

402	2	L., M., at 10	Lo. 211	Nold, Decker
702	5	Lab., W., 1 to 4		
		L., M., Tu., W., Th., F., at 8	Lo. 208	Nold
711	5	L., M., W., F., at 9	Lo. 208	Decker
		Lab., Th., F., 1 to 4	Lo.	Decker
802	3 to 5	To be arranged		Nold

SPRING QUARTER

403		To be arranged	Lo.	Nold
501	5	L., M., W., F., at 11	Lo. 208	Decker
		Lab., Th., F., 1 to 4	Lo.	
601	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 9	Lo. 208	Nold
630		To be arranged	Lo.	Nold
634		To be arranged	Lo.	Nold
703	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 8	Lo. 208	Nold
712	5	L., Tu., at 11	Lo. 208	Decker
741	5	Lab., M., Tu., W., 1 to 5		
		Lab., Th., 9 to 5; F., 1 to 5;		Nold
		S., 8 to 12		
803	3 to 5	To be arranged		Nold

MINERALOGY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	2	Tu., Th., at 8	Lo. 107	McCaughy
404	4	M., Tu., W., 1 to 4	Lo. 107	McCaughy
605	3	M., W., F., at 9	Lo. 107	McCaughy
621	5	To be arranged	Lo. 119	McCaughy

WINTER QUARTER

401	2	Tu., Th., at 9	Lo. 117	McCaughy
402	4	L., M., W., F., at 8	Lo. 104	McCaughy
		M., W., F., at 11	Lo. 104	McCaughy
		Lab., Th., 10 to 12		
		Th., 1 to 3		
		F., 1 to 3		
**2		Tu., Th., at 11	Lo. 104	
404	4	M., Tu., W., 1 to 4	Lo. 107, 113	McCaughy
631	5	To be arranged		McCaughy

SPRING QUARTER

402	4	L., M., W., F., at 8	Lo. 104	McCaughy
		Lab., W., 2 to 4		
605	4	M., Tu., W., Th., at 9	Lo. 107	McCaughy
		M., Tu., Th., F., at 10	Lo. 107	McCaughy
611	4	To be arranged	Lo. 113	McCaughy
631	5	To be arranged	Lo. 119	McCaughy

PATHOLOGY

AUTUMN QUARTER

603	3	To be arranged	Spohr
607	1	To be arranged	Scott, VanBuskirk
608	3 to 5	To be arranged	Scott, Oliver
611	3 to 5	To be arranged	Scott, Reel, Oliver
616	3	To be arranged	Spohr
619	1	To be arranged	Oliver

WINTER QUARTER

601	3	To be arranged	Scott, Oliver
604	3	To be arranged	Spohr
607	1	To be arranged	Scott, VanBuskirk
609	3 to 5	To be arranged	Scott, Oliver
612	3 to 5	To be arranged	Scott, Reel, Oliver
614	3 to 5	To be arranged	Spohr
617	3	To be arranged	Spohr
620	1	To be arranged	Oliver

SPRING QUARTER

602	5	To be arranged	Scott, Oliver
605	2	To be arranged	Reel
606	2	To be arranged	VanBuskirk
607	1	To be arranged	Scott, VanBuskirk
610	3 to 5	To be arranged	Scott, Oliver
613	3 to 5	To be arranged	Scott, Reel, Oliver
615	3 to 5	To be arranged	Spohr
618	3	To be arranged	Spohr
621	1	To be arranged	Oliver

**Given 1922-1923 only.

PHILOSOPHY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 321	Chandler
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 321	Williams
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 321	Evans
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 321	Avey
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 319	Chandler
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 321	Williams
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Avey
603	3	M., W., F., at 2	U. 319	Chandler
613	3	M., W., F., at 9	U. 306	Williams
651	3	M., W., F., at 3	U. 321	Avey
653	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 321	Leighton
801	3	To be arranged		Leighton
809	3 to 10	To be arranged		All Instructors

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 321	Avey
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 321	Williams
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 321	Evans
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 321	Avey
415	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ha. 204	Chandler
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		Leighton
605	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 321	Williams
614	3	M., W., F., at 9		Williams
615	3	To be arranged		Avey
623	3	M., W., F., at 2	U. 306	Chandler
652	3	M., W., F., at 3	U. 321	Avey
661	3	M., Tu., Th., at 11	U. 321	Leighton
802	3	To be arranged		Leighton
810	3 to 10	To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 321	Williams
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 321	Evans
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 321	Avey
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 321	Williams
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 316	Avey
616	3	To be arranged		Avey
625	3	M., Tu., Th., at 11	U. 321	Avey
656	3	M., Tu., Th., at 10		Leighton
662	3	M., Tu., Th., at 11	U. 301	Leighton
670	3	M., W., F., at 9	U. 319	Williams
803	3	To be arranged		Leighton
811	3 to 10	To be arranged		All Instructors

PHYSICAL EDUCATION

AUTUMN QUARTER

FOR MEN

HYGIENE

400	1	M., at 11	H. F. 206	Nichols
		Tu., at 8	H. F. 206	Castleman
		Th., at 8	H. F. 206	Nichols
		Th., at 9	H. F. 206	Castleman
		Th., at 1		
		F., at 11	H. F. 206	Nichols
		F., at 2		

PHYSICAL EDUCATION—Continued

PHYSICAL EDUCATION

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	1	Tu., Th., at 10 M., W., at 10 M., F., at 10 W., F., at 10 M., W., at 11 M., F., at 11 W., F., at 11 M., W., at 2 M., F., at 2 W., F., at 2 Tu., Th., at 2 Tu., Th., at 3 M., W., at 3 M., F., at 3 W., F., at 3 Tu., Th., at 4 M., W., at 4 M., F., at 4 W., F., at 4 (Hours to be arranged for corrective work)	Gymnasium	Castleman, Nichols, Trautman, Cobb, Alexander, Cald- well
473	1	W., at 10	Gymnasium	Nichols
685	3	M., W., F., at 10	Gymnasium	Nichols

FOR WOMEN

HYGIENE

400	1	M., at 2 Tu., at 3 W., at 10 Th., at 11	H. F. 206 H. F. 206 H. F. 206 H. F. 206	Scofield, Wright
-----	---	--	--	------------------

PHYSICAL EDUCATION

421	1	M., W., at 9 M., W., at 10 W., F., at 11 Tu., Th., at 8 F., at 9; M., at 11 F., at 8; M., at 1 Tu., Th., at 1 Tu., Th., at 2 M., W., at 3 Tu., Th., at 4	Pomerene	Scofield, Ranck
425	1	M., W., F., at 8 Tu., Th., at 9; F., at 1 Tu., Th., at 11; W., at 1 M., W., F., at 2 Tu., Th., F., at 3 M., W., F., at 4 Tu., Th, F., at 10	Pomerene	Scofield, Ranck
473	1	W., at 10	Gymnasium	Nichols

PHYSICAL EDUCATION—Continued**WINTER QUARTER****FOR MEN****HYGIENE**

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
400	1	Monday at 11	H. F. 206	Nichols
		Tuesday at 8	H. F. 206	Wilce
		Wednesday at 10	H. F. 206	Castleman
		Thursday at 8	H. F. 206	Nichols
		Thursday at 9	H. F. 206	Castleman
		Thursday at 1		
		Friday at 11	H. F. 206	Nichols
		Friday at 2		

PHYSICAL EDUCATION

402	1	Tu., Th., at 9 Tu., Th., at 10 M., W., at 10 M., F., at 10 W., F., at 10 M., W., at 11 M., F., at 11 W., F., at 11 M., W., at 2 M., F., at 2 W., F., at 2 Tu., Th., at 2 Tu., Th., at 3 M., W., at 3 M., F., at 3 W., F., at 3 Tu., Th., at 4 M., W., at 4 M., F., at 4 W., F., at 4 (Hours to be arranged for corrective work.	Gymnasium	Castleman, Nichols, Trautman, Cobb, Alexander, Cald- well
481	1	M., at 1	Ath. House 100	St. John, Castleman, Trautman
501	2	Tu., Th., at 2	Ath. House 100	Wilce
502	1	W., at 1	Ath. House 100	Wilce
504	1	F., at 1 Lab., to be arranged	Ath. House 100	Trautman
508	1	Tu., at 1 Lab., to be arranged	Ath. House 100	Castleman
650	3	L., M., F., at 2 Lab., W., 1 to 3	Gymnasium	Nichols
681	3	M., W., F., at 11	Ath. House 100	Wilce

FOR WOMEN**HYGIENE**

400	1	M., at 2	H. F. 206	Scofield, Wright
		W., at 10		
		Th., at 11	H. F. 206	

PHYSICAL EDUCATION—Continued**PHYSICAL EDUCATION**

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
422	1	M., W., at 9 M., W., at 10 M., F., at 11 Tu., Th., at 8 F., at 8; M., at 1 Tu., Th., at 1 Tu., Th., at 2 M., W., at 3 Tu., Th., at 4	Pomerene	Scofield, Ranck
426	1	M., W., F., at 8 Tu., Th., at 9; F., at 1 Tu., Th. F., at 10 Tu., Th., at 11; W., at 1 M., W., F., at 2 Tu., Th., F., at 3 M., W., F., at 4	Pomerene	Scofield, Ranck
461	2	L., Tu., at 2 Lab., Tu., Th., at 10	Pomerene	Scofield
481	1	M., at 1	Ath. House 103	St. John, Castleman, Trautman
650	3	L., M., W., at 9 Lab., M., W., at 4	Pomerene	Scofield
681	3	M., W., F., at 11	Ath. House 100	Wilce

SPRING QUARTER**FOR MEN****HYGIENE**

400	1	M., at 11 Tu., at 8 Th., at 8 Th., at 9 Th., at 1 F., at 11 F., at 2	H. F. 206 H. F. 206 H. F. 206 H. F. 206	Nichols Nichols Castleman Nichols
-----	---	--	--	--

PHYSICAL EDUCATION

408	1	Tu., Th., at 10 M., W., at 10 M., F., at 10 W., F., at 10 M., W., at 11 M., F., at 11 W., F., at 11 M., W., at 2 M., F., at 2 W., F., at 2 Tu., Th., at 2 Tu., Th., at 3 M., W., at 3 M., F., at 3 W., F., at 3 Tu., Th., at 4 M., W., at 4	Gymnasium	Castleman, Nichols, Trautman, Cobb, Alexander, Cald- well
-----	---	---	-----------	--

PHYSICAL EDUCATION—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		M., F., at 4		
		W., F., at 4		
		(Hours to be arranged for corrective work)		
512	1	M., at 1	Ath. House 100	St. John
		Lab., to be arranged		
642	5	L., M., W., F., at 11	Gymnasium	Nichols
		Lab., to be arranged		

FOR WOMEN

HYGIENE

400	1	Th., at 11	H. F. 206	Scofield, Wright
-----	---	------------	-----------	------------------

PHYSICAL EDUCATION

423	1	M., W., at 9	Pomerene	Scofield, Ranck
		M., W., at 10		
		W., F., at 11		
		Tu., Th., at 8		
		F., at 9; M., at 11		
		F., at 8; M., at 1		
		Tu., Th., at 1		
		Tu., Th., at 2		
		M., W., at 3		
		Tu., Th., at 4		
427	1	M., W., F., at 8	Pomerene	Scofield, Ranck
		Tu., Th., at 9; F., at 1		
		Tu., Th., F., at 10		
		Tu., Th., at 11; W., at 1		
		M., W., F., at 2		
		Tu., Th., F., at 3		
		M., W., F., at 4		
642	5	L., M., W., F., at 9	Pomerene	Scofield
		Lab., to be arranged		

PHYSICS

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., Th., at 8	Ph. 307	Jarvis
		M., Tu., W., Th., at 8	Ph. 301	Lowry
		L., M., Tu., W., Th., at 3	Ph. 307	Rose
		Lab., M., 1 to 3		
		Tu., 1 to 3		
		F., 8 to 10		
403	5	L., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 307	Earhart
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 301	Alva Smith
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 205	Woodbury
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 202	
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 301	Woodbury
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 202	Ward
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 205	
		Lab., M., 8 to 10		
		W., 1 to 3		
		W., 3 to 5		
		Th., 8 to 10		
		Th., 1 to 3		

PHYSICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		F., 1 to 3		
		S., 8 to 10		
		S., 10 to 12		
407	5	L., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 205	Cole
		Lab., M., 1 to 3		
431	5	L., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 202	
		Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 205	Cole
		Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 301	Earhart
		Tu., W., Th., F., at 10		Blake
		Tu., W., Th., F., at 10		Alpheus Smith
		Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 307	Woodbury
		Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 301	Ward
		Lab., M., 8 to 10		
		W., 8 to 10		
		F., 8 to 10		
		S., 8 to 10		
		M., 1 to 3		
		W., 1 to 3		
		Th., 1 to 3		
		F., 1 to 3		
		W., 3 to 5		
		F., 3 to 5		
433	5	L., M., Tu., Th., F., at 11	Ph. 301	
		Lab., S., 8 to 10		
435	3	L., M., W., F., at 9	Ph. 202	Alpheus Smith
		M., Tu., F., at 11	Ph. 202	Heil
		M., Tu., F., at 2	Ph. 202	Lowry
		M., Tu., F., at 3		
602	3	M., Tu., 1 to 4		
609	4	M., Tu., Th., F., at 4	Ph. 202	Earhart
801	3	M., W., F., at 4	Ph. 205	Cole
805	3	M., Tu., Th., at 11	Ph. 307	Alpheus Smith
809	3	M., W., F., at 4	Ph. 307	Blake
812	1	W., at 11	Ph. 307	Cole
813	3	To be arranged		Blake
817	3	To be arranged		Blake
830	3	To be arranged		All Instructors

WINTER QUARTER

402	5	L., M., Tu., W., Th., at 8	Ph. 307	Jarvis
		M., Tu., W., Th., at 3	Ph. 307	Lowry
		Lab., F., 8 to 10		
		F., 1 to 3		
404	5	L., Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 307	Earhart
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 301	Alva Smith
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 202	
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 301	Woodbury
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 202	Ward
		Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 205	
		Lab., M., 8 to 10		
		W., 1 to 3		
		W., 3 to 5		
		Th., 8 to 10		
		Th., 1 to 3		
		S., 8 to 10		
		S., 10 to 12		
408	5	L., Tu., W., Th., F., at 8	Ph. 205	Cole
		Lab., M., Tu., 1 to 3		

PHYSICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
431	5	L., M., Tu., Th., F., at 11 Lab., Th., 1 to 3	Ph. 205	
432	5	L., Tu., W., Th., F., at 8 Tu., W., Th., F., at 9 Tu., W., Th., F., at 9 Tu., W., Th., F., at 10 Tu., W., Th., F., at 10 Tu., W., Th., F., at 1 Tu., W., Th., F., at 1 Lab., M., 8 to 10 W., 8 to 10 F., 8 to 10 S., 8 to 10 M., 1 to 3 W., 1 to 3 Th., 1 to 3 F., 1 to 3 W., 3 to 5 F., 3 to 5	Ph. 202 Ph. 205 Ph. 301 Ph. 205 Ph. 205 Ph. 205 Ph. 301	Cole Earhart Blake Alpheus Smith Woodbury Ward
436	5	L., M., W., F., at 9 M., W., F., at 11 M., W., F., at 11 M., W., F., at 11 M., W., F., at 1 M., W., F., at 3 Lab., M., Tu., 8 to 10 M., Tu., 1 to 3 W., Th., 1 to 3 F., S., 8 to 10	Ph. 307 Ph. 307 Ph. 202 Ph. 301 Ph. 202 Ph. 202	Blake, Alpheus Smith, Alva Smith
603	3	M., Tu., 1 to 4		Heil
605	3	M., Tu., 1 to 4		Heil
610	4	M., Tu., Th., F., at 4	Ph. 301	Heil
802	3	M., W., F., at 4	Ph. 307	Cole
806	3	M., Tu., Th., at 11		Alpheus Smith
810	3	M., W., F., at 4	Ph. 202	Blake
812	1	W., at 11	Ph. 205	Cole
818	3	To be arranged		Blake
822	3	M., W., F., at 4	Ph. 205	Heil
831	3	To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

401	5	L., M., Tu., W., F., at 3 Lab., F., 1 to 3	Ph. 307	Jarvis
403	5	L., Tu., W., Th., F., at 10 Tu., W., Th., F., at 3 Lab., M., 8 to 10 W., 1 to 3	Ph. 307 Ph. 307	Earhart Woodbury
405	5	L., M., W., F., at 10 M., W., F., at 3 Lab., Tu., Th., 1 to 3 Tu., Th., 8 to 10	Ph. 205 Ph. 205	Blake Lowry
407	5	L., Tu., W., Th., F., at 8 Lab., M., 1 to 3 Tu., 1 to 3	Ph. 205	Cole
420	3	L., M., W., F., at 4	Ph. 205	Cole
431	5	L., M., Tu., Th., F., at 11 Lab., Th., 1 to 3	Ph. 205	Earhart

PHYSICS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
433	5	L., Tu., W., Th., F. at 8	Ph. 202	Blake Alpheus Smith Woodbury Ward
		Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 202	
		Tu., W., Th., F., at 9	Ph. 307	
		Tu., W., Th., F., at 10	Ph. 202	
		Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 307	
		Tu., W., Th., F., at 1	Ph. 205	
		Lab., M., 8 to 10		
		W., 8 to 10		
		F., 8 to 10		
		S., 8 to 10		
		W., 1 to 3		
		F., 1 to 3		
		W., 8 to 5		
		F., 8 to 5		
437	5	L., Tu., Th., at 8	Ph. 301	Alpheus Smith Alva Smith Ward
		Tu., Th., at 11	Ph. 301	
		Tu., Th., at 11		
		Tu., Th., at 1	Ph. 301	
		Tu., Th., at 8	Ph. 301	
		Lab., M. Tu., 8 to 11		
		M., Tu., 1 to 4		
		W., Th., 8 to 11		
		W., Th., 1 to 4		
		F., S., 8 to 11		
602	3	M., Tu., 1 to 4		Heil
604	3	M., Tu., 1 to 4		Alva Smith
607	4	L., M., Tu., Th., at 11	Ph. 202	Cole
		Lab., to be arranged		
807	3	M., Tu., Th., at 11	Ph. 204	Alpheus Smith
811	3	M., W., F., at 4	Ph. 301	Blake
812	1	W., at 11	Ph. 202	Cole
819	3	To be arranged		Blake
821	3	M., W., Th., at 4	Ph. 307	Earhart
832	3	To be arranged		All Instructors

PHYSIOLOGICAL CHEMISTRY, PHARMACOLOGY,
AND MATERIA MEDICA

AUTUMN QUARTER

601	5	To be arranged	Park St.	Smith and assistants
603	3	To be arranged	Park St.	Smith
801	5 or 10	To be arranged	Park St.	Smith

WINTER QUARTER

602	5	To be arranged	Park St.	Smith
603	3	To be arranged	Park St.	Smith
802	5 or 10	To be arranged	Park St.	Smith

SPRING QUARTER

604	2	To be arranged	Park St.	Smith
605	5	To be arranged	Park St.	Smith and assistants
803	5 or 10	To be arranged	Park St.	Smith

PHYSIOLOGY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 2		Bleile
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 11		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 1		Seymour
		M., Tu., W., Th., F., at 2		Durrant
		M., Tu., W., Th., F., at 3		Seymour
407	5			
413	4	Tu. Th., 1 to 4 (Vet. Med.)		Assmann
601	5	M., Tu., W., Th., F., 8 to 11		Seymour, Durrant
604	6	To be arranged		All Instructors
608	3	To be arranged		Bleile
611	5	To be arranged		All Instructors
801	5	To be arranged		Hoskins, Bleile
804	10 or 15	To be arranged		Bleile

WINTER QUARTER

402	5	M., Tu., W., Th., F., at 2		Bleile
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 2		Durrant
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 11		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 1		Seymour
		M., Tu., W., Th., F., at 2		Durrant
		M., Tu., W., Th., F., at 3		Seymour
414	4	Tu., Th., 1 to 4 (Vet. Med.)		Assmann
602	5	M., Tu., W., Th., F., 8 to 11		Seymour, Durrant
605	6	To be arranged		All Instructors
609	3 or 5	To be arranged		Bleile
612	5	To be arranged		Hoskins, Seymour
802	5	To be arranged		Hoskins, Bleile
805	10 or 15	To be arranged		Hoskins, Bleile

SPRING QUARTER

404	5	M., Tu., W., Th., F., at 2		Bleile
405	5	M., W., F., at 2		Seymour
		Lab. Tu., Th., 2 to 4		Durrant
415	4	Tu., Th., 1 to 4		Assmann
419	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 11		Bleile
		M., Tu., W., Th., F., at 1		Seymour
603	5	M., Tu., W., Th., F., 8 to 11		Seymour, Durrant
606	6	To be arranged		All Instructors
610	3 or 5	To be arranged		Bleile
613	5	To be arranged		Hoskins, Seymour
803	5	To be arranged		Hoskins, Bleile
806	10 or 15	To be arranged		Hoskins, Bleile

POLITICAL SCIENCE

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 207	Coker
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 207	Coker
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 207	Spencer
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 207	Shepard
607	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	Ha. 215	Shepard
611	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 207	Spencer
616	3	M., W., F., at 11	Ha. 207	Coker
621	2	Tu., Th., at 10	Ha. 215	Shepard
801	3	To be arranged	Ha. 206	All Instructors

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 207	Shepard
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 207	Spencer
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 207	Spencer
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 207	Coker
608	3	M., W., F., at 11	Ha. 215	Shepard
612	3	M., W., F., at 2	Ha. 207	Spencer
619	3	M., W., F., at 9	Ha. 215	Coker
622	2	Tu., Th., at 10	Ha. 215	Shepard
802	3	To be arranged	Ha. 206	All Instructors

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 207	Shepard
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 207	Shepard
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 205	Coker
604	3	M., W., F., at 10	Ha. 207	Coker
620	3	M., W., F., at 9	Ha. 215	Coker
803	3	To be arranged	Ha. 206	All Instructors

POULTRY HUSBANDRY

AUTUMN QUARTER

401	2½ (six weeks)	L., M., W., F., at 8	Pav.	Jacoby
		Lab., M., W., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
402	5	L., Tu., Th., S., at 8	Pav.	Jacoby
		Lab., Th., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
		F., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
		Feeding practice to be arranged		Bayes

WINTER QUARTER

401	2½ (six weeks)	L., M., W., F., at 8	Pav.	Jacoby
		Lab., W., F., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
403	3	L., Tu., Th., at 8	Pav.	Jacoby
		Lab., Th., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby

SPRING QUARTER

404	5	L., Tu., W., Th., at 8	Pav.	Jacoby
		Lab., Th., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
		F., 1 to 3	Poultry Plant	Jacoby
		Incubator practice to be arranged		Bayes

PRINCIPLES AND PRACTICE OF EDUCATION

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 208	Bode, Maddox
410	5	M., Tu., W., Th., F. at 2	Ha. 208	Clifton
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 208	Clifton
430	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 208	Landsittel
440	5	To be arranged		Bode, Clifton, Twiss, Landsittel
610	5	M., Tu., W., Th., F., at 4	Ha. 208	Twiss
620	3	M., W., at 2	L. 307	Bode
651	2 to 4	To be arranged		
801	3	To be arranged		Bode
810	3	To be arranged		Twiss
851	3 to 5	To be arranged		Bode, Twiss

WINTER QUARTER

410	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 208	Clifton
420	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 208	Landsittel
450	4	M., Tu., W., Th., at 1	Ha. 208	Bode, Maddox
460	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 200	Landsittel
470	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 208	Twiss
480	4	M., Tu., W., Th., at 2		Twiss
680	3	M., W., at 2	L. 307	Bode
652	2 to 4	To be arranged		
802	3	To be arranged		Bode
811	3	To be arranged		Twiss
852	3 to 5	To be arranged		Bode, Twiss

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 208	Bode, Maddox
440	5	To be arranged		Bode, Clifton, Twiss, Landsittel
490	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 208	Landsittel
640	3	M., W., at 2	L. 307	Bode
653	2 to 4	To be arranged		
803	3	To be arranged		Bode
812	3	To be arranged		Twiss
853	3 to 5	To be arranged		Bode, Twiss

PSYCHOLOGY

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 400	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 412	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 400	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 412	
		M., Tu., W., Th., F., at 10		
		(Edu.)		
		M., Tu., W., Th., F., at 10		
		M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 401	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 400	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	U. 400	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 400	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 412	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 400	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	U. 412	

PSYCHOLOGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
		M., Tu., W., Th., F., at 3 M., Tu., W., Th., F., at 4 (Edu.)	U. 400 U. 400	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	U. 401	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3	U. 406 U. 406 U. 401 U. 401 U. 401	
403	5	L., M., Tu., Th., F., at 11 Lab., W., 1 to 3	U. 415	Weiss
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 113	
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 4	U. 401 U. 412	Chassell Chassell L. Pressey
410	3	M., W., F., at 4	U. 401	Hatch
601	3	Tu., 1 to 4; Th., 1 to 3	U. 415	Weiss
603	3	M., W., F., at 2	U. 406	Goddard
611	3	M., W., F., S., at 11	U. 412	Goddard
613	3	M., W., F., at 1	U. 405	Pressey
615	1 or 2	To be arranged	U. 405	Goddard
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 412	Arps
635	3	M., W., F., at 10	U. 400	Burt
638	3	Tu., Th., 1 to 4	U. 406	Burt
643	1	M., at 1 (Med.)	Park St.	Goddard
650	1 to 3	To be arranged		All Instructors
801	3 or more	To be arranged		All Instructors
803	2	M., 7 to 9 p. m.	L. 309	Weiss
805	1	To be arranged		Rogers

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 (Pre-Medic) M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 3 M., Tu., W., Th., F., at 4 (Edu.)	U. 400 U. 401 U. 400 U. 400 U. 400	All Instructors
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 (Edu.) M., Tu., W., Th., F., at 10 (Pre-Medic) M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 12 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 M., Tu., W., Th., F., at 2 (Pre-Medic) M., Tu., W., Th., F., at 3 M., Tu., W., Th., F., at 4 (Edu.)	U. 400 U. 412 U. 401 U. 406 U. 406 U. 412 U. 400 U. 400 U. 401 U. 400 U. 401 U. 412 U. 401 U. 401	All Instructors

PSYCHOLOGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
404	5	M., Tu., Th., F., at 11 Lab., W., 1 to 3	U. 415	Weiss
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 4	U. 401 U. 412	L. Pressey
602	3	Tu., 1 to 4; Th., 1 to 3	U. 415	Weiss
604	3	M., W., F., at 1	U. 412	Goddard
614	3	M., W., F., 1 to 3	U. 405	Pressey
615	1 or 2	To be arranged	U. 405	Goddard
629	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 412	Rogers
634	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	U. 406	Burt
636	3	Tu., Th., 2 to 5	U. 406	Burt
637	3	M., W., F., at 10	U. 400	Burt
641	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 415	Goddard
650	1 to 3	To be arranged		All Instructors
801	3 or more	To be arranged		All Instructors
803	2	M., 7 to 9 p. m.	L. 309	Arps
805	1	To be arranged		Weiss

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8 M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 (Edu.) M., Tu., W., Th., F., at 10 M., Tu., W., Th., F., at 11 M., Tu., W., Th., F., at 1 M., Tu., W., Th., F., at 2 (Pre-Medic) M., Tu., W., Th., F., at 3 M., Tu., W., Th., F., at 4 (Edu.)	U. 400 U. 400 U. 400 U. 401 U. 400 U. 400 U. 400 U. 400 U. 400 U. 400	All Instructors
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9 M., Tu., W., Th., F., at 10 (Pre-Medic) M., Tu., W., Th., F., at 3 M., Tu., W., Th., F., at 4 (Edu.)	U. 401 U. 412 U. 401 U. 401	All Instructors
403	5	M., Tu., Th., F., at 11 Lab., W., 1 to 3	U. 415	Weiss
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 401	L. Pressey
417	3	To be arranged		Hatch
601	3	T., 1 to 4; Th., 1 to 3	U. 415	Weiss
607	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 406	Chassell
608	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	U. 412	Burt
609	3	M., W., F., at 4	U. 406	Chassell
613	3	M., W., F., at 4	U. 405	Pressey
615	1 or 2	To be arranged	U. 405	Goddard
630	5	M., Tu., W., Th., F., at 11	U. 412	Rogers
638	3	Tu., Th., 1 to 4	U. 406	Burt
642	3	M., W., F., at 9	U. 406	Goddard
646	3	M., W., F., at 3	U. 411	Weiss
650	1 to 3	To be arranged		All Instructors
801	3 or more	To be arranged		All Instructors
803	2	M., 7 to 9 p. m.	L. 309	Burt
805	1	To be arranged		Pressey

PUBLIC HEALTH

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	3	M., W., F., at 10		Hayhurst
404	3	M., W., F., at 8		Selbert
406	3	Tu., Th., at 4	Ha. 212	Selbert
452	7	M., W., 2 to 5; F., 8 to 1		Selbert
602	3	M., W., F., at 11		Hayhurst
801	3	To be arranged		Hayhurst
802	4	To be arranged		Hayhurst
809	4	To be arranged		McC Campbell
813	4	To be arranged		Van Buskirk

EDUCATIONAL NURSING

659	3	M., W., F., at 4	Park St.	Selbert
-----	---	------------------	----------	---------

SCIENCE NURSING

501	12	To be arranged		Greene
502	8	To be arranged		Greene
503	16	To be arranged		Greene
504	2	To be arranged		Scott
505	4	To be arranged		Duffee, Hamilton
506	4	To be arranged		Means, Hamilton
507	8	To be arranged		Greene
508	16	To be arranged		Greene
509	3	To be arranged	Park St.	Wardlow, Reed
510	3	To be arranged	Park St.	Dodd, Horton
511	3	To be arranged	Park St.	McC Campbell, Leist
512	8	To be arranged		Greene
513	2	To be arranged		Greene
514	16	To be arranged		Greene

WINTER QUARTER

405	3	M., W., F., at 8		Selbert
406	3	Tu., Th., at 4	Ha. 212	Selbert
451	3	M., W., F., at 9		Selbert
453	7	M., W., 2 to 5; F., 8 to 1		Selbert
603	3	M., W., F., at 10		Hayhurst
803	5	To be arranged		Hayhurst
804	2	To be arranged		McC Campbell
808	2	Fr., 1 to 3		Selbert
811	3	To be arranged		Van Buskirk
814	4	To be arranged		Van Buskirk

EDUCATIONAL NURSING

651	3	To be arranged		Selbert
653	3	Tu., Th., at 3; S., at 11	Park St.	Selbert

SCIENCE NURSING

501	12	To be arranged		Greene
502	8	To be arranged		Greene
503	16	To be arranged		Greene
507	8	To be arranged		Greene
508	16	To be arranged		Greene
512	8	To be arranged		Greene
513	8	To be arranged		Greene
514	16	To be arranged		Greene

PUBLIC HEALTH—Continued

SPRING QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
407	2	S., at 8	Park St.	
454	7	M., W., 2 to 5; F., 8 to 1		Selbert
456	2	Tu., Th., at 2	Park St.	All Instructors
602	3	M., W., F., at 11		Hayhurst
807	2	To be arranged		
812	3	To be arranged		VanBuskirk
815	4	To be arranged		VanBuskirk
816	6	To be arranged		All Instructors

EDUCATIONAL NURSING

656	3	To be arranged		Selbert
658	1	To be arranged		Selbert

SCIENCE NURSING

501	12	To be arranged		Greene
502	8	To be arranged		Greene
503	16	To be arranged		Greene
507	8	To be arranged		Greene
508	16	To be arranged		Greene
512	8	To be arranged		Greene
513	8	To be arranged		Greene
514	16	To be arranged		Greene

PUBLIC SPEAKING

AUTUMN QUARTER

401	5	L., W., at 9	Ph. 304	Ketcham
		W., at 10	Ph. 304	Ketcham
		Tu., Th., 8 to 10	Ph. 304	Wiley
		Tu., Th., 10 to 12		Wiley
		Tu., Th., 8 to 10		Sandford
		Tu., Th., 10 to 12		Sandford
402	5	M., W., 8 to 10		Sandford
		M., W., 10 to 12		Wiley
407	5	Tu., Th., 1 to 3	Ph. 304	Ketcham
525	5	Tu., Th., 10 to 12	Ph. 304	Ketcham

WINTER QUARTER

402	5	Tu. Th., 8 to 10	Ph. 304	Wiley
		Tu., Th., 10 to 12	Ph. 304	Wiley
		Tu., Th., 8 to 10		Sandford
		Tu., Th., 10 to 12		Sandford
410	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	Ph. 304	Wiley
421	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ph. 304	Sandford

SPRING QUARTER

401	5	L., W., at 9	Ph. 304	Ketcham
		W., at 10	Ph. 304	Ketcham
		Tu., Th., 8 to 10		Wiley
		Tu. Th., 10 to 12		Wiley
		Tu., Th., 8 to 10		Sandford
		Tu., Th., 10 to 12		Sandford
407	5	Tu., Th. 10 to 12	Ph. 304	Ketcham
414	5	M., W., 8 to 10		Wiley
525	5	Tu., Th., 8 to 10	Ph. 304	Ketcham
651	5	M., F., 1 to 3	Ph. 304	Ketcham

ROMANCE LANGUAGES

FRENCH

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 212	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 212	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 212	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 205	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	H. F. 108	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 4	Ha. 205	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 108	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 210	
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 321	All Instructors
407	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 205	All Instructors
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 205	Rockwood
603	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 205	Moore
605	3	M., W., F., at 9	Ha. 210	Moore
613	3	M., W., F., at 10	Ha. 216	Foure
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 205	Foure
627	3	M., W., F., at 9	Ha. 216	Hacker
808	3	F., 3 to 5	L. 311	Havens

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 210	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 210	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 212	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 212	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 112	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 210	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 108	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 4	Ha. 210	
406	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 218	All Instructors
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 205	Rockwood
604	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 205	Moore
611	3	M., Tu., F., at 11	Ha. 205	Rockwood
614	3	M., W., F., at 10	Ha. 216	Foure

ROMANCE LANGUAGES—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 205	Foure
628	3	M., W., F., at 9	Ha. 216	Hacker
813	3	M., 3 to 5	L. 311	Moore
SPRING QUARTER				
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 212	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 212	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 210	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 212	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 210	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 210	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 210	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 210	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 210	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 205	
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Cam. 321	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 216	
601	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 205	Rockwood
603	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 205	Moore
612	3	M., W., F., at 11	Ha. 205	Rockwood
621	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 316	Foure
622	3	M., W., F., at 9	Ha. 216	Moore
623	3	M., W., F., at 10	Ha. 216	Foure
814	3	M., 3 to 5	L. 311	Moore

ITALIAN

AUTUMN QUARTER

601	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 216	Rotunda
607	3	Tu., Th., S., at 9	Ha. 216	Moore

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 216	Rotunda
602	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 216	Rotunda

SPRING QUARTER

402	5	M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 216	Rotunda
608	3	Tu., Th., S., at 8	Ha. 216	Moore

SPANISH

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 211	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 8	U. 316	
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 10		
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 4	Ha. 211	

ROMANCE LANGUAGES—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 9		All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 2	H. F. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	H. F. 112	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	H. F. 203	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 106	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 10		
		M., Tu., W., Th., F., at 2	H. F. 112	
405	3	M., W., F., at 9	Ha. 203	Gutierrez
403	6	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 207	Gutierrez
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 106	Whatley
414	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 106	Whatley

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	H. F. 113	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9		
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 106	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 211	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 208	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 208	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 3		
		M., Tu., W., Th., F., at 4	Ha. 211	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 208	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9		
		M., Tu., W., Th., F., at 2	H. F. 205	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 210	
406	3	M., W., F., at 9		Gutierrez
604	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 201	Gutierrez
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 106	
609	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 201	Hendrix
618	3	M., W., F., at 3	Ha. 106	Whatley
805	3	M., W., F., at 10	L. 311	Hendrix
815	3	M., 4 to 6	L.	Hendrix

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 211	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 12	Ha. 106	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 201	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	Ha. 211	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 211	
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9	H. F. 205	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	Ha. 106	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 211	

ROMANCE LANGUAGES—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	Ha. 200	All Instructors
		M., Tu., W., Th., F., at 9		
		M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 106	
405	3	M., W., F., at 9	Ha. 208	Gutierrez
603	5	M., Tu., W., Th., F., at 1	Ha. 106	
605	3	M., W., F., at 8	Ha. 208	Gutierrez
610	5	M., Tu., W., Th., F., at 2	Ha. 201	Hendrix
805	3	M., W., F., at 10	L. 311	Hendrix
806	3	To be arranged		Hendrix
816	3	M., 4 to 6	L.	Hendrix

RURAL ECONOMICS

AUTUMN QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	T. 106	Erdman
		M., Tu., W., Th., F., at 1	T. 106	Erdman
402	5	M., Tu., Th., F., at 8; S., 8 to 12	T. 204	Falconer
		M., Tu., W., F., at 1; Th., 1 to 5	T. 204	
403	3	Tu., Th., at 9; Tu., 2 to 4	T. 106	Morison
405	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	T. 106	Lively
607	3	M., W., F., at 9	T. 106	Lively
609	3 to 15	To be arranged		Falconer, Erdman
801	3 to 6	To be arranged		Lively

WINTER QUARTER

403	3	Tu., Th., at 9; Tu., 2 to 4	T. 204	Morison
404	3	M., W., F., at 9	T. 106	Erdman
602	3	Tu., Th., at 8; Th., 1 to 4	T. 106	Falconer
605	3	M., W., F., at 8	T. 106	Falconer
606	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	T. 106	Lively
608	3	M., W., F., at 11	T. 106	Lively
609	3 to 15	To be arranged		Falconer, Erdman
801	3 to 6	To be arranged		Lively

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	T. 106	Erdman
		M., Tu., W., Th., F., at 1	T. 106	Erdman
601	3	L., Tu., at 9	T. 106	Morison
		Lab., Tu., Th., 2 to 4		
603	3	M., W., F., at 9	T. 106	Erdman
604	3	M., W., F., at 10	T. 106	Falconer
609	3 to 15	To be arranged		Falconer
801	3 to 6	To be arranged		Lively

SCHOOL ADMINISTRATION

AUTUMN QUARTER

401	3	M., W., F., at 9	Ha. 200	Ashbaugh
603	3	M., W., F., at 10	Ha. 200	Ashbaugh
606	3	M., W., F., at 4	Ha. 200	McCracken
611	3	M., W., F., at 3	Ha. 200	McCracken
613	4	L., M., W., F., at 2	Ha. 200	
		Lab., Th., 2 to 4	Ha. 200	

SCHOOL ADMINISTRATION—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
618	3	To be arranged		
621	2	S., 10 to 12	Ha. 200	McCracken
802	2 to 4	Th., 4 to 6	L. 307	All Instructors
803	3	To be arranged		
805	3	To be arranged		

WINTER QUARTER

401	3	M., W., F., at 9		McCracken
		M., W., F., at 4		
601	3	M., W., F., at 9	Ha. 200	Ashbaugh
604	3	M., W., F., at 10	Ha. 200	Ashbaugh
605	3	M., W., F.,		McCracken
610	3	M., W., F., at 3	Ha. 200	McCracken
612	3	M., W., F., at 2		
614	3	M., W., F., at 4	Ha. 200	Ashbaugh
619	3	To be arranged		
622	2	S., 10 to 12	Ha. 200	McCracken
802	2 to 4	Th., 4 to 6	L. 307	All Instructors
803	3	To be arranged		
806	3	To be arranged		

SPRING QUARTER

401	3	M., W., F., at 9	Ha. 200	McCracken
601	3	M., W., F., at 10	Ha. 200	McCracken
602	3	M., W., F., at 3	Ha. 200	
607	3	M., W., F., at 4	Ha. 200	
615	3	M., W., F., at 2	Ha. 200	Ashbaugh
620	3	To be arranged		
623	2	S., 10 to 12	Ha. 200	McCracken
802	2 to 4	Th., 4 to 6	L. 307	All Instructors
803	3	To be arranged		
807	3	To be arranged		

SHOPWORK

AUTUMN QUARTER

401	5	M., 8 to 11; Tu., 8 to 10; W., 8 to 11; Th., 8 to 11	S.	Denman, Foust, Beem, P. L. Wright
405	3	M., 8 to 11; Tu., 8 to 12	S.	Schneider
		Th., 1 to 5; F., 1 to 4	S.	
407	2	M., 8 to 10; Tu., 8 to 11	S.	Rickly
		W., 1 to 3; Th., 1 to 4	S.	
		F., 8 to 10; S., 8 to 11	S.	
411	3	M., 1 to 3; Tu., 1 to 5	S.	Beem, Denman
		F., 8 to 11; S., 8 to 12	S.	
415	3	M., Tu., 8 to 12	S.	Foust, P. L.
		W., Th., 1 to 5	S.	Wright
		F., S., 8 to 12	S.	
419	3	Th., at 3; M., Tu., 8 to 11	S.	H. R. Wright,
		W., 11 to 3; Th., 12 to 3	S.	Rickly
		Th., at 9; M., Tu., 3 to 6	S.	
421	3	M., 12 to 4; Tu., 12 to 3	S.	Knight, H. R.
		W., 2 to 6; Th., 3 to 6	S.	Wright
		F., 1 to 4; S., 8 to 12	S.	
523	2	To be arranged		Knight, H. R. Wright

SHOPWORK—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., 8 to 11; Tu., 8 to 10; W., 8 to 11; Th., 8 to 11	S.	Denman, Foust, Beem, P. L. Wright Schneider
405	3	M., Tu., 8 to 12 W., Th., 1 to 5 F., S., 8 to 12	S. S. S.	
407	2	Th., 8 to 12 Th., at 10; F., 1 to 4	S. S.	Rickly
408	2	S., 8 to 12; Th., 1 to 5; F., 8 to 10	S. S.	Rickly
411	3	M., Tu., 8 to 12 W., Th., 1 to 5 F., S., 8 to 12	S. S. S.	Beem, Denman
415	3	M., Tu., 1 to 5 W., Th., 8 to 12 F., S., 8 to 12	S. S. S.	Foust, P. L. Wright
419	3	M., 8 to 11; Tu., 8 to 12 M., 1 to 4; Tu., 1 to 5 F., S., 8 to 12	S. S. S.	H. R. Wright, Rickly
421	3	M., Tu., 1 to 5 W., Th., 1 to 5	S. S.	Knight, H. R. Wright
523	2	To be arranged	S.	Knight, H. R. Wright

SPRING QUARTER

401	5	M., 8 to 11; Tu., 8 to 10; W., 8 to 11; Th., 8 to 11	S.	Denman, Foust, Beem, P. L. Wright Schneider
405	3	M., Tu., 1 to 5 W., Th., 8 to 12	S. S.	
407	2	M., 1 to 3; Tu., 1 to 4 W., 8 to 10; Th., 8 to 11	S. S.	Rickly
408	2	M., 8 to 10; Tu., 8 to 11 W., 1 to 3; Th., 1 to 4 F., 8 to 10; S., 8 to 11	S. S. S.	Rickly
411	3	M., Tu., 1 to 5 W., Th., 8 to 12 F., S., 8 to 12	S. S. S.	Beem, Denman
415	3	M., Tu., 8 to 12 W., Th., 1 to 5 F., S., 8 to 12	S. S. S.	Foust, P. L. Wright
419		M., 8 to 11; Tu., 8 to 12 Th., 1 to 5; F., 1 to 4	S. S.	H. R. Wright, Rickly
421	3	M., Tu., 1 to 5 W., Th., 1 to 5 F., S., 8 to 12	S. S. S.	Knight, H. R. Wright
523	2	To be arranged	S.	Knight, H. R. Wright

SOCIOLOGY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8	O. 14	North, Lumley, Clarke, instruc- tors and assistants
		M., Tu., W., Th., F., at 8	O. 11	
		M., Tu., W., Th., F., at 8		
		M., Tu., W., Th., F., at 9	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 9	O. 11	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 105	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 11	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	O. 105	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	O. 1	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	O. 1	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	O. 1	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	O. 1	
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		
		M., Tu., W., Th., F., at 2		
403	5	M., Tu., W., Th., F., at 3		Clarke
500	2	Tu., at 8	Arch. M	Mills
601	4	M., Tu., Th., F., at 2	P. 208	
605	4	M., Tu., Th., F., at 3	P. 208	Clarke
615	4	L., M., W., F., at 8	P. 208	North
		Lab., S., 8 to 12		
625	3	M., W., F., at 9	P. 208	Hagerty
635	3	L., Tu., Th., at 1	P. 7	Mark
		Lab., Tu., 2 to 4		
		W., 2 to 4		
		Th., 2 to 4		
645	4	M., Tu., Th., F., at 11		Van Keuren
665	3	M., W., F., at 10	P. 9	Lumley
675	12	Field work		
685	2	To be arranged		Clarke
801	2	To be arranged		Lumley
811	3	To be arranged		North
821	2	To be arranged		Mark
831	4	To be arranged		All Instructors

WINTER QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		North, Lumley, Clarke, instruc- tors, and assist- ants
		M., Tu., W., Th., F., at 2		
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		
		M., Tu., W., Th., F., at 8	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 8		
		M., Tu., W., Th., F., at 9	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 9		
		M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 11	
		M., Tu., W., Th., F., at 10	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	O. 1	
		M., Tu., W., Th., F., at 11	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 1	O. 11	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	P. 208	
		M., Tu., W., Th., F., at 2	O. 14	
		M., Tu., W., Th., F., at 3	P. 208	
404	5	M., Tu., W., Th., F., at 3		Clarke
500	2	Tu., at 8	Arch. M	Mills
606	4	M., Tu., Th., F., at 1	P. 208	Clarke

SOCIOLOGY—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
616	4	L., M., W., F., at 8 Lab., S., 8 to 12	P. 208	North
626	3	M., W., F., at 9	P. 208	Hagerty
636	3	L., Tu., Th., at 1 Lab., Tu., 2 to 4 W., 2 to 4 Th., 2 to 4	P. 7	Mark
646	4	M., Tu., Th., F., at 11	P. 207	Van Keuren
655	4	M., Tu., Th., F., at 10	P. 207	
666	3	M., W., F., at 11	P. 208	Lumley
675	12	Field Work		
686	2	To be arranged		Clarke
695	3	Tu., Th., S., at 11	P. 208	Johnson
802	2	To be arranged		Lumley
812	3	To be arranged		North
822	2	To be arranged		Mark
832	4	To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

401	5	M., Tu., W., Th., F., at 2		
402	5	M., Tu., W., Th., F., at 8		
607	4	M., Tu., Th., F., at 3	P. 208	Clarke
617	4	L., M., W., F., at 8 Lab., S., 8 to 12	P. 208	North
627	3	M., W., F., at 9	P. 208	Hagerty
637	3	L., Tu., Th., at 1 Lab., Tu., 2 to 4 W., 2 to 4 Th., 2 to 4	P. 7	Mark
656	4	M., Tu., Th., F., at 10	P. 208	
667	3	M., W., F., at 11	P. 208	Lumley
675	12	Field Work		
687	2	To be arranged		Clarke
696	3	Tu., Th., S., at 11	P. 208	Johnson
803	2	To be arranged		Lumley
815	4	To be arranged		North
816	4	To be arranged		Mark
823	2	To be arranged		All Instructors
833	4	To be arranged		

SOILS

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 1 Lab., M., W., 8 to 11	T. 205	Bear McClure
403	3	Lab., M., W., F., 1 to 4		McClure
601	3	L., M., W., F., at 9	T. 204	Bear
801	5	To be arranged		Bear
802	1	To be arranged		Bear

WINTER QUARTER

402	3	L., to be arranged Lab., Tu., Th., 1 to 4		Conrey Conrey
602	5	L., M., W., at 11 Lab., M., W., 1 to 4; one other to be arranged	T. 205	McClure McClure

SOILS—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
604	5	L., to be arranged Lab., M., W., F., 1 to 4		Conrey Conrey
801	5	To be arranged		Bear, Conrey
802	1	To be arranged		Bear

SPRING QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 1 Lab., M., W., 8 to 11 M., W., 1 to 4	T. 205 T. 205	Bear Bear Conrey Conrey
603	3	L., Tu., Th., at 10 Lab., Th., 1 to 4	T. 205	Conrey Conrey
605	3	Tu., Th., F., 1 to 4		Bear
801	5	To be arranged		Bear, Conrey
802	1	To be arranged		

SURVEY OF AGRICULTURE

AUTUMN AND WINTER QUARTERS

1	Tu., at 4	T. 205	Dean Vivian
---	-----------	--------	-------------

SURVEY OF EDUCATION

AUTUMN QUARTER

1	To be arranged	Dean Arps
---	----------------	-----------

SURVEY OF ENGINEERING

AUTUMN, WINTER, AND SPRING QUARTERS

1	Tu. at 11	Cam. 200	Dean Hitchcock
---	-----------	----------	----------------

VETERINARY MEDICINE

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., F., 8 to 10	V. L. 101 V. L. 4	Grossman
404	6	L. Tu., Th., at 10 Lab., M., W., F., 1 to 4; S., 8 to 11	V. L. 101 V. L. 100	Sisson
422	2	Th., at 11; F., 2 to 5	V. C. 132	Goss, Hendershott
426	4	L., M., at 11; F., S., at 8 Lab., M., 2 to 5	V. C. 132 V. C. 132	Goss, Rebrassier
443	4	M., Tu., Th., F., at 11	V. L. 102	White
463	3	Tu., Th., S., at 8	V. C. 14	Hobbs
466	4	M., Tu., W., F., at 11	V. C. 120	Shoemaker
467	3	M., Tu., W., Th., F., 9 to 11	V. C. 120	Brumley, Snook, Hobbs
470	3	M., Tu., W., Th., F., S., 9 to 11	V. C.	Brumley, Snook, Hobbs
473	3	M. at 2; W., F., at 1	V. C. 120	Brumley
474	4	M., Tu., W., Th., at 8	V. C. 120	Brumley
477	1	W., 1 to 5	V. C. 26	Brumley, Snook, Hobbs

VETERINARY MEDICINE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
821	2 or 5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
822	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
823	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
824	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott

WINTER QUARTER

402	6	L., W., at 10; Tu., F., at 11 Lab., M., Th., 9 to 12; Tu., F., 8 to 11	V. L. 101 V. L. 100	Grossman
405	6	L., M., W., at 1 Lab., Tu., Th., S., 9 to 12; F., 1 to 4	V. L. 101 V. L.	Sisson
407	3	To be arranged	V. L.	
423	4	L., M., W., at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 4	V. C. 132 V. C. 132	Goss, Hendershott
427	3	Tu., at 1; F., S., at 8	V. C.	Goss
428	4	M., W., 1 to 5	V. C. 132	Rebrassier
441	4	Tu., Th., F., S., at 8	V. L. 102	White
444	4	M., Tu., Th., F., at 11	V. L. 102	White
461	4	Tu., Th., F., S., at 8	V. C. 14	Snook
464	4	M., Tu., Th., F., at 11	V. C. 14	Hobbs
465	3	M., W., F., at 1; S., a 11	V. C. 14	Hobbs
468	3	M., Tu., W., Th., F., S., 9 to 11	V. C. 120	Brumley, Snook, Hobbs
471	3	M., Tu., W., Th., F., S., 9 to 11	V. C.	Brumley, Snook, Hobbs
475	4	M., Tu., W., Th., at 8	V. C. 120	Brumley
821	2 or 5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
822	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
823	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
824	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott

SPRING QUARTER

403	6	L., W., at 10; Tu., F., at 11 Lab., M., Th., 9 to 12; Tu., F., 8 to 11	V. L. 101 V. L. 100	Grossman
406	6	L., Tu., Th., at 11 Lab., M., W., S., 9 to 12; F., 1 to 4	V. L. V. L.	Sisson
421	5	L., M., W., at 8; F., at 9 Lab., M., W., 1 to 4	V. C. 132 V. C. 132	Goss, Hendershott
424	4	Tu., at 1; S., at 8 Lab., Tu., 2 to 5; Th., 1 to 4	V. C. 132 V. C. 132	Goss, Rebrassier
425	2	W., Th., 9 to 11	V. C. 35	Goss, Rebrassier, Hendershott
442	4	M., Tu., W., Th., F., at 8	V. L. 102	White
462	4	Tu., Th., F., S., at 8	V. C. 14	Snook
469	3	M., Tu., W., Th., F., 9 to 11	V. C. 120	Brumley, Snook, Hobbs

VETERINARY MEDICINE—Continued

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
472	3	M., Tu., W., Th., F., 9 to 11	V. C.	Brumley, Snook, Hobbs
476	4	M., Tu., W., Th., at 8	V. C. 120	Brumley
478	4	Tu., Th., at 11; F., S., at 8	V. C. 120	Shoemaker
479	3	M., W., F., at 11	V. C. 14	Snook
821	2 to 5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
822	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
823	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott
824	5	To be arranged		Goss, Rebrassier, Hendershott

VOCATIONAL AND COMMERCIAL EDUCATION

AUTUMN QUARTER

602	3	M., W., F., at 9	MacDonald
606	3	M., W., F., at 10	MacDonald
607	3	Tu., Th., S., at 9	

WINTER QUARTER

604	5	M., Tu., W., Th., F., at 10	MacDonald
-----	---	-----------------------------	-----------

SPRING QUARTER

603	3	M., W., F., at 8	MacDonald
-----	---	------------------	-----------

ZOOLOGY AND ENTOMOLOGY

ZOOLOGY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8	B. Z. 109	Krecker
		M., W., F., at 9	B. Z. 209	Krecker
		M., W., F., at 10		
		M., W., F., at 1	B. Z. 109	Barrows
		M., W., F., at 1	B. Z. 209	Wickliff
		M., W., F., at 2	B. Z. 109	Osburn
		M., W., F., at 3	B. Z. 109	Osburn
		Lab., M., W., 8 to 10	B. Z. 65, 69	
		M., W., 1 to 3		
		Tu., Th., 8 to 10		
		Tu., Th., 1 to 3		
		W., S., 10 to 12		
403	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 10	B. Z. 100	Barrows
405	5	L., Tu., Th., at 1	B. Z. 111	Kostir
		Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 111	Kostir
409	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 9	B. Z. 109	Osburn
601	3	To be arranged		Barrows
611	3 or 5	To be arranged		All Instructors
801	1	M., at 4	B. Z. 107	Osburn
805	5	L., Tu., Th., at 4	B. Z. 107	Osburn
		Lab., to be arranged	B. Z. 107	Osburn
811	3 to 10	To be arranged		All Instructors

ZOOLOGY AND ENTOMOLOGY—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., W., F., at 8	B. Z. 209	Kostir
		M., W., F., at 9	B. Z. 209	Kostir
		Lab., Tu., Th., 8 to 10	B. Z. 65, 69	
402	5	L., M., W., F., at 8	B. Z. 109	Krecker
		M., W., F., at 9	B. Z. 100	Krecker
		M., W., F., at 1	B. Z. 109	Wickliff
		M., W., F., at 2	B. Z. 109	Wickliff
		M., W., F., at 3	B. Z. 109	Kraatz
		Lab., M., F., 8 to 10	B. Z. 65, 69	
		W., S., 8 to 10	B. Z. 65, 69	
		M., Th., 1 to 3	B. Z. 65, 69	
		Tu., F., 1 to 3	B. Z. 65, 69	
406	5	L., Tu., Th., at 1	B. Z. 111	Kostir
		Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 111	Kostir
410	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	B. Z. 109	Osburn
602	3	To be arranged		Barrows
612	3 or 5	To be arranged		All Instructors
802	1	M., at 4	B. Z. 107	Osburn
806	5	L., Tu., Th., at 4	B. Z. 107	Osburn
		Lab., to be arranged		
812	3 to 10	To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

401	5	L., M., W., F., at 8 (Pre-Med)	B. Z. 109	Krecker
		M., W., F., at 9 (Pre-Med)	B. Z. 109	Krecker
		M., W., F., at 1	B. Z. 109	Kostir
		M., W., F., at 2	B. Z. 109	Kostir
		Lab., Tu., Th., 8 to 10 (Pre-Med)	B. Z. 65, 69	
		Tu., Th., 1 to 3	B. Z. 65, 69	
402	5	L., M., W., F., at 8	B. Z. 100	Kraatz
		M., W., F., at 9	B. Z. 209	Wickliff
		Lab., M., W., 1 to 3	B. Z. 65, 69	
408	5	M., Tu., W., Th., F., at 9	B. Z. 100	Barrows
		M., Tu., W., Th., F., at 10	B. Z. 100	Barrows
404	5	L., Tu., Th., at 10	B. Z. 111	Krecker
		Lab., M., W., F., 10 to 12	B. Z. 111	Krecker
407	3	L., S., at 8	B. Z. 111	Kostir
		Lab., to be arranged	B. Z. 111	Kostir
408	5	L., Tu., Th., at 2		Hine
		Lab., M., W., F., 2 to 4		
603	3	To be arranged		Barrows
604	5	L., Tu., Th., at 3	B. Z. 111	Krecker
		Lab., M., W., F., 2 to 4		
613	3 or 5	To be arranged		All Instructors
803	1	M., at 4	B. Z. 107	Osburn
807	5	Tu., Th., at 4	B. Z. 107	Osburn
		Lab., to be arranged		
813	3 to 10	To be arranged		All Instructors

ZOOLOGY AND ENTOMOLOGY—Continued

ENTOMOLOGY

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
451	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 209 B. Z. 65, 69	DeLong
454	5	L., Tu., Th., at 2 Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 211	Kennedy
457	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 211	DeLong, Kennedy
611	3 or 5	To be arranged		All Instructors
651	5	L., Tu., Th., at 2 Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 209	Kennedy
653	5	L., Tu., Th., at 1 Lab., to be arranged	B. Z. 207	DeLong
655	5	L., M., W., F., at 8 Lab., to be arranged	B. Z. 211	DeLong
801	1	To be arranged		
811	3 to 10	To be arranged		All Instructors

WINTER QUARTER

452	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 209	Kennedy
455	5	L., Tu., Th., at 2 Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 211	Kennedy
456	5	L., M., W., F., at 3 Lab., to be arranged	B. Z. 211	DeLong
458	5	L., M., W., F., at 10 Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 211	DeLong, Kennedy
612	3 or 5	To be arranged		All Instructors
652	5	L., Tu., Th., at 2 Lab., M., W., F., 1 to 3	B. Z. 209	Kennedy
654	5	L., Tu., Th., at 1 Lab., to be arranged	B. Z. 207	DeLong
802	1	To be arranged		
812	3 to 10	To be arranged		All Instructors

SPRING QUARTER

451	5	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 10 Lab., M., W., 10 to 12 Tu., Th., 10 to 12	B. Z. 209 B. Z. 209 B. Z. 65, 69	DeLong DeLong
453	5	L., M., W., F., at 9 Lab., Tu., Th., 10 to 12	B. Z.	Hine
457	5	L., M., W., F., at 8 M., W., F., at 10 Lab., M., W., 10 to 12 Tu., Th., 10 to 12		
613	3 or 5	To be arranged		All Instructors
656	5	L., Tu., Th., at 8 Lab., M., W., F., 8 to 10	B. Z. 211	Kennedy
803	1	To be arranged		
813	3 to 10	To be arranged		All Instructors

APPLIED OPTICS

AUTUMN QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
401	5	L., M., Tu., W., Th., at 8	Ph. 5	Minchin
		Lab., Th., 1 to 3	Ph. 5	
411	4	L., M., Tu., W., Th., at 11	Ph. 5	Davies
421	3	L., M., Tu., W., at 9	Ph. 5	Minchin
431	2	Lab., W., 1 to 4	Ph. 4	Davies
441	5	Lab., M., Tu., W., Th., F., 2 to 4	Ph. 6	Davies

WINTER QUARTER

402	5	L., M., Tu., W., Th., at 8		
		Lab., Th., 1 to 3	Ph. 5	Minchin
412	4	L., M., Tu., W., Th., at 11	Ph. 5	Davies
422	3	L., M., Tu., W., at 9	Ph. 5	Minchin
432	2	Lab., W., 1 to 4	Ph. 4	Davies
442	5	Lab., M., Tu., W., Th., F., 2 to 4	Ph. 6	Davies

SPRING QUARTER

403	5	L., M., Tu., W., Th., at 8		
		Lab., Th., 1 to 3	Ph. 5	Minchin
413	4	L., M., Tu., W., Th., at 11	Ph. 5	Davies
423	3	L., M., Tu., W., at 9	Ph. 5	Minchin
433	2	Lab., W., 1 to 4	Ph. 4	Davies
443	5	Lab., M., Tu., W., Th., F., 2 to 4	Ph. 6	Davies

PHARMACY

AUTUMN QUARTER

401	5	L., M., Tu., F., at 11	Ch. 107	Brown and Dept.
		M., Tu., F., at 8	B. Z. 100	assistants
		Q., M., at 9, W., at 11	Ch. 302; 107	
		Lab., arranged		
404	5	L., Tu., Th., at 10	Ch. 107	Dye, Brown,
		Q., M., at 9	Ch. 107	Williams
		Lab., arranged		
406	5	L., Tu., Th., at 9	Ch. 107	Brown, Williams,
		Q., arranged		and Department
		Lab., arranged		assistants
407	3	L., M., W., F., at 10	Ch. 107	Dye
410	5	L., M., F., at 11	Br. 207	Stevens
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
413	5	L., T., at 9	T. 205	Dye, Stevens
		Q., W., at 9	H. F. 206	
		Lab., arranged		
416	3	L., T., at 9		Dye, Stevens
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
420	4	L., M., Tu., W., Th., at 10	Ch. 101	Brown
		M., Tu., at 8; W., S., at 11	Cam. 203	
423	2	L., W., Th., at 8	Ch. 107	Brown

PHARMACY—Continued

WINTER QUARTER

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
425	1	L., Th., at 8	Ch. 302	Stevens
		F., at 10	Ch. 302	
		W., at 8	Ch. 302	
		Th., at 9	Ch. 302	
401	5	L., M., W., F., at 9		Brown, Williams, and Department assistants
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
402	5	L., M., Tu., F., at 8		Brown, Williams, and Department assistants
		Q., M., at 9; W., at 11		
		Lab., arranged		
405	5	L., Tu., Th., at 10		Dye, Brown, Wil- liams and Dept. assistants
		Q., M., at 9		
		Lab., arranged		
407	3	L., M., W., F., at 11		Dye
408	3	L., M., W., F., at 10		Dye
411	5	L., M., F., at 11		Stevens
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
413	3	L., Th., at 9		Dye and Stevens
		Q., F., at 8		
		Lab., arranged		
414	3	L., Tu., at 9		Dye, Stevens
		Q., W., at 9		
		Lab., arranged		
417	3	L., Tu., at 9		Dye, Stevens
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
420	4	L., to be arranged		Brown
421	4	L., M., Tu., W., Th., at 10		Brown
424	2	L., W., Th., at 8		Brown
425	1	L., F., at 9		Stevens
426	1	L., Th., at 8		Stevens
		F., at 10		
		Section to be arranged		

SPRING QUARTER

403	5	L., M., W., F., at 9		Brown, Williams, and Department assistants
		Q., Tu., at 8		
		Lab., arranged		
405	5	L., Tu., Th., at 11		Dye, Brown, Wil- liams and Dept. assistants
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
406	5	L., Tu., Th., at 10		Brown, Williams, and Department assistants
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
409	3	L., M., W., F., at 10		Dye
410	5	L., M., F., at 11		Stevens
		Q., arranged		
		Lab., arranged		
415	3	L., Tu., at 9		Dye, Stevens
		Q., W., at 9		
		Lab., arranged		
418	3	L., Tu., at 9		Dye, Stevens
419	5	L., M., Tu., W., Th., F., at 8		Dye
		Lab., M., Tu., 1 to 4		
421	4	L., arranged		Brown

PHARMACY—Continued

Course					
No.	Hours	Time		Room	Instructor
422	5	L., M., W., F., at 9			Dye
		Tu., F., at 1			
426	1	L., arranged			Stevens
427	3	L., Th., F., at 9			Brown
		Lab., arranged			
428	2	L., M., at 9; W., at 9			Stevens

THE LIBRARY OF THE
APR 2 1931
UNIVERSITY OF ILLINOIS.

THE OHIO STATE
UNIVERSITY PRESS



3 0112 105760240

The Ohio State University Bulletin is issued thirty times during the year: monthly in June, July, August, September, and October; tri-monthly in November, December, and January; weekly in February, March, April, and May.

THE LIBRARY OF THE
APR 2 1931
UNIVERSITY OF ILLINOIS.